

TẬP ĐOÀN XĂNG DẦU VIỆT NAM  
CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XĂNG DẦU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
ĐỘC LẬP – TỰ DO – HẠNH PHÚC

---

**BÁO CÁO  
THƯỜNG NIÊN  
NĂM 2014**

**I. Thông tin chung****1. Thông tin khái quát.**

- Tên giao dịch: Công Ty Cổ Phần Cơ Khí Xăng Dầu
- Số giấy chứng nhận ĐKDN: Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 063343 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21 tháng 10 năm 1999 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cổ phần thay đổi lần thứ 11 số 0301838116 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26 tháng 04 năm 2012, cùng các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi khác.
- Vốn điều lệ: 72.276.620.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 72.276.620.000 đồng
- Địa chỉ: 446 Nơ Trang Long, Phường 13, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
- Số điện thoại: +(84 8) 35531761 Số fax: +(84 8) 35533029
- Địa chỉ website: <http://pms.petrolimex.com.vn>
- Mã cổ phiếu: PMS

**2. Quá trình phát triển .**

- Tiền thân của Công ty Cổ Phần Cơ Khí Xăng Dầu là xưởng Cơ Khí Thống Nhất thuộc Bộ Vật Tư được thành lập ngày 22/10/1975 trên cơ sở quốc hữu hoá 2 Công ty Bình Lợi và Công ty Khai Thác Kỹ Nghệ Semi .
- Ngày 30/01/1988 theo quyết định 02VT-QĐ của Bộ Vật tư xưởng đổi tên thành Xí Nghiệp Cơ Khí 23/11 và trở thành đơn vị trực thuộc Công ty Xăng Dầu Khu Vực II. Ngày 17/12/1992 Xí nghiệp Cơ khí 23/11 đổi tên thành Xí nghiệp Cơ Khí Xăng Dầu ( theo quyết định 111/TMDL/QĐ của Bộ Thương Mại và Du Lịch. Xí nghiệp trở thành đơn vị trực thuộc Tổng Công ty Xăng Dầu Việt Nam..
- Ngày 21/11/1997 theo quyết định số 1169/TM/TCCB của Bộ Thương Mại đổi tên Xí nghiệp Cơ khí Xăng dầu thành tên Công ty Cơ khí Xăng dầu trực thuộc Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam và là đơn vị hạch toán độc lập.
- Ngày 31/05/1999 theo quyết định số 132 /1999-QĐ/TT của Thủ tướng Chính Phủ chuyển đổi Công ty Cơ Khí Xăng Dầu thành Công ty Cổ Phần Cơ Khí Xăng Dầu và Tổng Công ty Xăng Dầu Việt Nam trở thành cổ đông lớn nhất nắm giữ 35 % vốn điều lệ.
- Ngày 06/11/2003 cổ phiếu của Công ty Cổ Phần Cơ Khí Xăng Dầu được chính thức niêm yết tại trung tâm giao dịch chứng khoán TP HCM ( mã giao dịch là PMS )
- Vốn điều lệ là 32 000 000 000 đồng ( 3 200 000 cổ phiếu )
- Năm 2005 công ty được bình chọn và trao tặng cúp vàng thương hiệu Việt và được Nhà nước tặng Huân chương lao động hạng II.
- Ngày 09/04/2007 Công ty tổ chức thành công đợt phát hành cổ phiếu, nâng số vốn điều lệ lên 52 000 000 000 đồng. Ngày 03/05/2007 Công ty chính thức niêm yết bổ sung 2 000 000 cổ phiếu trên sở giao dịch chứng khoán TP HCM.
- Ngày 26/05/2009 cổ phiếu niêm yết của Công ty chuyển từ sàn TP HCM ra sàn Hà Nội.
- Ngày 19/12/2011 Công ty chính thức niêm yết bổ sung 2 027 662 cổ phiếu trên sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, nâng số vốn điều lệ lên 72 276 620 000 đồng.

**3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh****Ngành nghề kinh doanh**

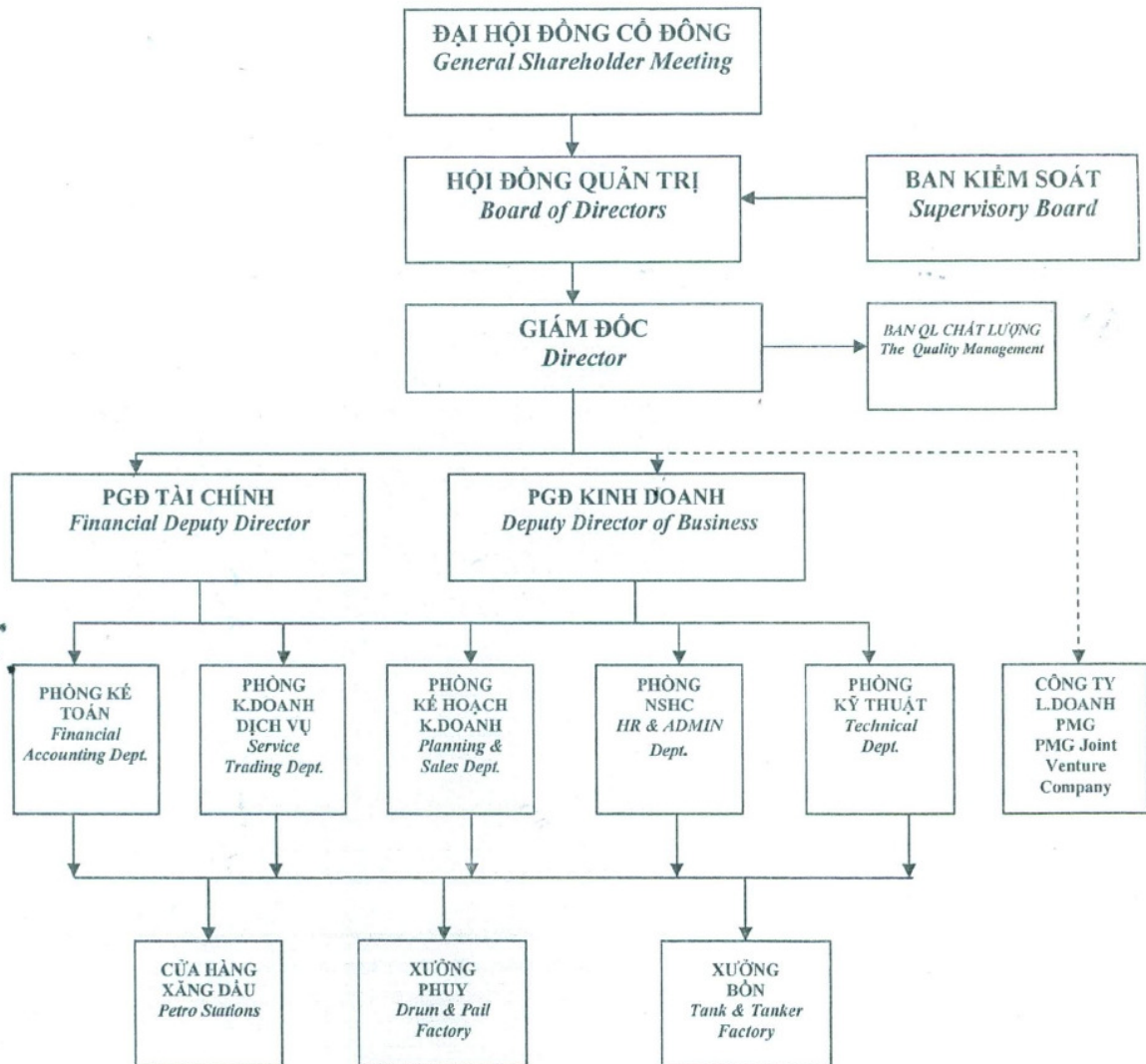
Các lĩnh vực hoạt động chính của công ty bao gồm :

- Lĩnh vực sản xuất kinh doanh
  - + Thùng phuy thép 200 lít
  - + Thùng thép 18/20 lít
  - + Các loại bồn thép hình tròn , elip
  - + Các loại xe bồn đóng mới từ chasis Huyndai, Hino, Kamaz.
- Lĩnh vực dịch vụ
  - + Đo lường kiểm định xe bồn
  - + Mua bán vật tư thiết bị xăng dầu
  - + Xây dựng cửa hàng xăng dầu và xây dựng công nghiệp
  - + Kinh doanh xăng dầu ( bán lẻ và bán buôn )

**Địa bàn kinh doanh:** 446 Nơ Trang Long, Phường 13, Quận Bình Thạnh, TP.Hồ Chí Minh

**4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.**

Cơ cấu bộ máy quản lý



**Các công ty liên quan**

Tình hình đầu tư vào các công ty liên quan đến ngày 31/12/2014

**Công ty TNHH Cơ Khí Gas ( PMG )** : là công ty liên doanh giữa Công ty Cổ Phần Cơ Khí Xăng Dầu và Công ty CP Gas Petrolimex thành lập theo quyết định số 4102018919 do sở Kế hoạch và Đầu tư TPHCM cấp ngày 21/11/2003

- Địa chỉ: Kho B tổng kho xăng dầu Nhà Bè, xã Phú Xuân, Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh
- Vốn điều lệ : 22 524 919 267 đồng trong đó Công ty Cổ Phần Cơ Khí Xăng Dầu 49% và Công ty CP Gas Petrolimex 51%.
- Ngành nghề kinh doanh :
  - + Sản xuất, sửa chữa , bảo dưỡng và kiểm định bình Gas .
  - + Mua bán, thiết bị công nghệ ngành Gas – Xăng Dầu – Dầu khí.
  - + Tư vấn lắp đặt chuyển giao công nghệ, tư vấn kỹ thuật ngành cơ khí LPG ( khí hoá lỏng ).
  - + Mua bán vật liệu xây dựng , nguyên liệu ngành gốm sứ, thiết bị hàng kim khí điện máy.
  - + Xây dựng công nghiệp.

**5. Định hướng phát triển :**

Các mục tiêu chủ yếu của công ty

- + Giữ vững ổn định và phát triển bền vững lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính phụ 200 lít và thùng 18 / 20 lít.
- + Đa dạng hoá các hoạt động sản xuất kinh doanh trên cơ sở khai thác những lợi thế sẵn có của công ty đảm bảo hiệu quả kinh doanh .
- + Tăng cường công tác đầu tư phát triển nguồn nhân lực, tạo công ăn việc làm và môi trường làm việc tốt nhất cho người lao động, quan tâm đến lợi ích cộng đồng, thực hiện các nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.
- Chiến lược phát triển trung và dài hạn
  - + Tập trung mọi nguồn lực, vật lực để di dời nhà máy và đầu tư mới dây chuyền công nghệ sản xuất vỏ thùng phụ.
  - + Công ty xây dựng kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh giai đoạn 2015-2020 theo tỷ lệ tăng trưởng hàng năm bình quân là 10%. Tỷ suất lợi nhuận trên vốn điều lệ dự kiến bình quân hằng năm đạt từ 12 % đến 15 %.
  - + Bên cạnh kinh doanh các sản phẩm truyền thống, ưu tiên phát triển kinh doanh các sản phẩm, dịch vụ trong hệ thống Petrolimex. Nghiên cứu thị trường để phát triển kinh doanh các loại hàng hóa dịch vụ.

**6. Các rủi ro**

**- Rủi ro thị trường**

- + Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá làm biến động giá tăng một số vật tư nguyên liệu đầu vào.
- + Quản lý rủi ro tỷ giá: Công ty chịu rủi ro tỷ giá phát sinh từ các hợp đồng đã được ký kết nhưng chưa nhập vật tư kịp thời. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách tăng cường công tác nghiên cứu dự báo tình hình thị trường và kiểm soát chặt chẽ khâu nhập vật tư.

**- Rủi ro về giá hàng hóa:** Công ty mua hàng hóa, dịch vụ từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục cho hoạt động kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán từ nhà cung cấp.

**- Rủi ro tín dụng:** Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính

sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty cần đưa ra các giải pháp kịp thời để hạn chế rủi ro tín dụng.

**- Quản lý rủi ro thanh khoản:**

- + Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.
- + Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**II Báo cáo của Hội đồng quản trị**

**1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh 2014:**

- Doanh thu: đạt 871,43 tỷ đồng, đạt 115% so với kế hoạch và vượt 16% so với năm 2013
- Lợi nhuận trước thuế: đạt 12 tỷ đồng, đạt 126% so với kế hoạch và vượt 32% so với năm 2013

**2. Tổ chức và nhân sự.**

**- Danh sách ban điều hành**

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Đoàn Đắc Học	Giám đốc	
2	Dương Thị Bạch Xuyên	Phó Giám đốc	
3	Đào Quốc Hưng	Phó Giám đốc	

Phó Giám đốc : Bà **DƯƠNG THỊ BẠCH XUYẾN**  
 Dân tộc : Kinh  
 Quốc tịch : Việt Nam  
 Ngày tháng năm sinh : 08 -02 – 1961  
 Địa chỉ : 130/ C1A Phạm Văn Hai - Phường 2 – Q Tân Bình  
 Trình độ chuyên môn : Đại học tài chính – kế toán , Cao học QTKD  
 Quá trình công tác :  
 1984 – 1986 : CNVC CN Xunhasaba – TPHCM  
 1987 – 2004 : CV, PP kế toán, KTT Công ty XD Hậu Giang  
 2005 – 2009 : TP kinh doanh, TP kế toán XNBLXD  
 2009- đến nay : Phó giám đốc Công ty CP Cơ Khí Xăng Dầu  
 Cổ phần cá nhân nắm giữ : 540 cổ phần

Phó Giám đốc : Ông **ĐÀO QUỐC HƯNG**  
 Dân tộc : Kinh  
 Quốc tịch : Việt Nam  
 Số CMND : 022383294  
 Ngày tháng năm sinh : 14 – 04 – 1969  
 Nơi sinh : Sài Gòn  
 Quê quán : Dư Hàng Kinh – Lê Chân – Hải Phòng  
 Địa chỉ : 310E, Chung Cư Hùng Vương, P11, Quận 5, TP. HCM  
 Trình độ chuyên môn : Kỹ sư cơ khí  
 Quá trình công tác :  
     1993 – 2005 : Chuyên viên kỹ thuật phòng Công nghệ Đầu tư Công ty Xăng dầu khu vực II.  
     2005 – 2008 : Trưởng phòng dịch vụ Thương mại XNDV Xây lắp và Thương mại Petrolimex Sài Gòn.  
     07/2008 – 02/2009 : Phó Trưởng phòng Kinh doanh Cty CP Cơ khí Xăng dầu.  
     03/2009 - 06/2011 : Trưởng phòng Kinh doanh Cty cổ phần cơ khí Xăng dầu.  
     Từ 07/2011 đến nay : Phó Giám đốc Cty cổ phần Cơ khí Xăng dầu.  
 Cổ phần cá nhân nắm giữ 3.800 cổ phần

**- Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, ban kiểm soát, kế toán trưởng**

Hội đồng quản trị : không thay đổi  
 Ban kiểm soát : không thay đổi  
 Ban giám đốc : không thay đổi

**- Số lượng cán bộ, nhân viên và các chính sách đối với người lao động**

Tính đến ngày 31/12/2014 tổng số lao động của công ty là 240 người, trong đó cơ cấu lao động như sau :

STT	Yếu tố	31/12/2014
	Số lượng nhân viên, công nhân	240
	<b>Theo trình độ chuyên môn</b>	
1	Thạc sỹ	2
2	Đại học, cao đẳng	43
3	Cao đẳng	05
4	Trung học chuyên nghiệp, bậc nghề	190

**- Chính sách đào tạo :**

Đào tạo là một chính sách rất được coi trọng tại Công ty Cổ Phần Cơ Khí Xăng Dầu. Do đó hằng năm nhân viên của công ty đều được tham gia các khoá học căn bản và nâng cao kiến thức để phục vụ cho nghiệp vụ chuyên môn của mình.

Trong năm 2014, tổng quỹ lương hiện hành là 20,43 tỷ đồng tăng 21% so với kế hoạch, mức lương bình quân năm 2014 đạt 7.100.000 đồng/người/tháng.

**3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án.**

**- Thực hiện dự án đầu tư 2014:**

- + Dự án Bình Dương: Đang trình HĐQT phương án sang nhượng.
- + Đầu tư tại Công ty
  - Đầu tư, sửa chữa MMTB: Tổng chi phí đầu tư và sửa chữa MMTB trong năm 2014 là 3.5 tỷ đồng đạt 54,7% so với KH. Trong đó:
  - Sửa chữa máy móc thiết bị, xe tải, xe bồn thường xuyên để duy trì sản xuất 2,1 tỷ đạt 88,3% so với kế hoạch năm 2014
  - Cải tạo, nâng cấp máy móc thiết bị 837,7 triệu đồng đạt 46,5% so với kế hoạch nguyên nhân không đạt do hạng mục cải tạo lò sấy thùng Phuy chuyển qua 2015 sẽ thực hiện tiếp.
  - Đầu tư mới trang thiết bị - máy móc: 576 triệu đạt 25,4% so với kế hoạch nguyên nhân không đạt do chưa cần thiết nên tạm dừng 3 hạng mục (rùa hàn tự động, máy cắt CNC, xe du lịch 7 chỗ)
  - Đầu tư XDCB: Chưa thực hiện nguyên nhân do đầu tư CHXD trong thời điểm này không hiệu quả, 02 hạng mục chuyển qua thực hiện năm 2015.

**- Các công ty con, công ty liên kết.**

Tại Công ty PMG: Trong năm 2014 lợi nhuận sau thuế đạt 3,3 tỷ, trong đó lợi nhuận công ty PMS được chia năm 2014 là 1,225 tỷ đồng đạt 136% kế hoạch năm.

**4. Báo cáo tình hình tài chính**

**- Tình hình tài chính**

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2013	Năm 2014	%
Tổng giá trị tài sản	Vnd	169,826,362,793	191.565.660.857	112,8
Doanh thu thuần	Vnd	751,143,967,064	871.430.095.103	116,0
Lợi nhuận từ HĐKD	Vnd	9,854,850,406	12.070.085.746	112,5
Lợi nhuận khác	Vnd	(786,022,116)	(60.467.883)	
Lợi nhuận trước thuế	Vnd	9,068,828,290	12.009.617.863	132,4
Lợi nhuận sau thuế	Vnd	6,479,293,486	9.383.486.472	144,8
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	%	5%	8%	160,0

**- Khả năng sinh lời và khả năng thanh toán**

Chỉ tiêu / hệ số	ĐVT	Năm 2013	Năm 2014	So sánh 2014/2013
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	triệu	751,143	871,430	120,287
Giá vốn hàng bán / doanh thu	%	94.44	94.74	0.30%
Lợi nhuận gộp / doanh thu	%	5.56	5.26	-0.30%
Chi phí bán hàng / doanh thu	%	1.75	1.38	-0.37%
Chi phí quản lý / doanh thu	%	2.61	2.70	0.09%
<b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>				
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	1.54	1.39	-0.15
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	2.40	2.12	-0.28
<b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>				
Tỷ số nợ trên tổng tài sản (D/A)	Lần	0.31	0.37	0.06
Tỷ số nợ trên vốn chủ sở hữu (D/E)	Lần	0.45	0.59	0.14
<b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>				
Vòng quay hàng tồn kho	Lần	17.15	16.27	-0.88
Doanh thu thuần/ Tổng tài sản	Lần	4.42	4.55	0.13
<b>Tỷ suất sinh lợi</b>				
Lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản ( ROA )	%	3.82%	4.9 %	1.08
Lợi nhuận sau thuế / Doanh thu ( ROS )	%	0.86%	1.07 %	0.21
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	1.31%	1.38 %	0.07
Lợi nhuận sau thuế / Nguồn vốn chủ sở hữu (ROE )	%	5.52%	7.78 %	2.26

( Nguồn số liệu lấy từ báo cáo tài chính đã được kiểm toán 2014)

**5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.**

Tổng số cổ phiếu theo từng loại ( cổ phiếu thường , cổ phiếu ưu đãi ..)

+ Cổ phiếu thường 7.227 .662

+ Cổ phiếu ưu đãi 0

Tổng số trái phiếu đang lưu hành theo từng loại : 0

+ Số lượng cổ phiếu đang lưu hành theo từng loại : 7.201.772

+ Số lượng cổ phiếu quỹ : 25.890

Những thay đổi về vốn cổ đông, vốn góp :

Trong năm 2014, Công ty không phát hành thêm cổ phiếu.



- Thông tin cổ đông sáng lập

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (nghìn đồng)	Tỷ lệ vốn góp (%)
1	Đại diện cổ đông Nhà nước Trần Đăng Ly	48 Đặng Dung, Phường Tân Định, Quận 1	112.000	11.200.000	21,54
2	Nguyễn Thị Vịnh	338F Nơ Trang Long, Phường 13, Quận Bình Thạnh	1.320	132.000	0,25
3	Hồ Xuân Địa	446 Nơ Trang Long, Phường 13, Quận Bình Thạnh	500	50.000	0,1
4	Nguyễn Tường Ninh	94 Mạc Thị Bưởi, Phường Bến Nghé, Quận 1	500	50.000	0,1
5	Nguyễn Thanh	49 Lê Hồng Pong, Phường Phước Tân, TP Nha Trang	500	50.000	0,1

- Các dữ liệu thống kê về cổ đông

Số TT	Chỉ tiêu	Xác định ngày 31 - 12 - 2014	
		Số cổ phần	Tỷ lệ cổ phần
1	<b>Tổ chức/ cá nhân</b>		
	Tổ chức	5.372.292	74.33 %
	Cá nhân	1,855.370	25.67 %
	<b>Cộng</b>	<b>7,227,662</b>	<b>100%</b>
2	<b>Trong nước/ Ngoài nước</b>		
	Trong nước	5,249,328	72.63 %
	Ngoài nước	1,978,334	27.37 %
	<b>Cộng</b>	<b>7.227.662</b>	<b>100%</b>
3	<b>Cổ đông lớn/ Cổ đông nhỏ</b>		
	Cổ đông lớn	4.988.277	69.10 %
	Cổ đông nhỏ	2.239.385	30.90 %
	<b>Cộng</b>	<b>7.227.662</b>	<b>100%</b>
4	<b>Cổ đông nhà nước/ cổ đông khác</b>		
	Cổ đông nhà nước	3.324.877	46 %
	Cổ đông khác	3.902.785	54 %
	<b>Cộng</b>	<b>7.227.662</b>	<b>100%</b>

- Thông tin của các cổ đông lớn.

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Ngành nghề hoạt động	Cổ phần nắm giữ
1	Tổng Công ty Xăng Dầu Việt Nam	Số 1 Khâm Thiên - Đống Đa - Hà Nội	Xăng dầu, dầu nhờn, xây dựng, bảo hiểm, vận tải, khí hoá lỏng, hoá chất, thiết bị xăng dầu, cơ khí...	46%
2	Công ty Phát Triển Nhà DAEWON - Thủ Đức	Số 1 khu đô thị mới An Phú- P An Phú, Q 2 - TPHCM	Xây dựng	23%

**III. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

**1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.**

Tình hình kinh tế năm 2014 diễn ra trong bối cảnh thế giới tiếp tục có nhiều diễn biến phức tạp cả về kinh tế và chính trị. Một số nền kinh tế lớn mặc dù có kỳ vọng tăng trưởng khá nhưng vẫn còn nhiều yếu tố rủi ro như: Việc điều chỉnh chính sách tiền tệ và những yếu tố không bền vững trong chính sách tài chính công dài hạn của một số nền kinh tế phát triển; tình trạng bất ổn của các nền kinh tế mới nổi; phục hồi trong khu vực đồng Euro vẫn còn yếu... Ở trong nước, sản xuất kinh doanh tiếp tục đối mặt với những khó khăn, áp lực: Sức mua trên thị trường thấp; khả năng hấp thụ vốn của nền kinh tế chưa cao; sức ép nợ xấu còn nặng nề; hàng hóa trong nước tiêu thụ chậm

Trước tình hình đó, với sự chỉ đạo sát sao của HĐQT, Ban giám đốc đã điều hành linh hoạt các hoạt động sản xuất kinh doanh phù hợp với tình hình thực tế. Kết quả đạt được như sau: Doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh đạt 871,43 tỷ vượt 15% kế hoạch và tăng 16% so với cùng kỳ, lợi nhuận đạt 12 tỷ đồng vượt 26% kế hoạch năm và tăng 32% so với cùng kỳ. Nguyên nhân chính do sản phẩm đóng mới xe bồn và bồn elip tăng đột biến, ngoài ra các sản phẩm chính của Công ty đều vượt 5 – 20% so với kế hoạch.

Dự kiến năm 2014 chia cổ tức 8% trên vốn điều lệ tăng 3 điểm phần trăm so với kế hoạch (kế hoạch 5%).

**- Thùng Phuy:**

- + Sản lượng đạt 237.000 cái vượt 7% so với kế hoạch và tăng 13% so với cùng kỳ, doanh thu ước đạt 109 tỷ đồng vượt 14% so với kế hoạch và tăng 12% so với cùng kỳ, lợi nhuận ước đạt 3,3 tỷ vượt 13% kế hoạch và tăng 7% so với cùng kỳ.
- + Trong năm 2014 nhu cầu sử dụng vỏ thùng Phuy mới của các Công ty như BP, Total, Áp Sài Gòn, PLC đều giảm so với năm 2013 – bình quân giảm 12%, đặc biệt PLC giảm tới 22%. Để bù đắp lại phần giảm sản lượng của các khách hàng truyền thống là thùng Phuy nhót thì bộ phận tiếp thị đã tăng cường công tác tiếp thị khách hàng như: tăng cường chăm sóc khách hàng, chính sách hậu mãi cho khách hàng, giá cạnh tranh... Kết quả trong năm 2014 công ty dẫn đầu thị trường chiếm khoảng 40% thị phần khu vực phía nam, tăng thị phần ở các khách hàng có nhiều nhà cung cấp như: Phuy nhót và hóa chất (khách hàng Topsovel tăng 32% so với cùng kỳ, cung cấp trở lại cho khách hàng Vorcarimex, Becker...), đặc biệt tăng mạnh ở mảng Phuy mật ong tăng gần 800% (Ong Phương Nam, Ong Daklak, Ong Mê Kong...), Phuy nước trái cây tăng 48% sản lượng so với 2013.

- **Thùng 18/20L:**

- + Năm 2014 sản lượng thùng 18/20L đạt 695.000 cái vượt 5% so với kế hoạch và tăng 5% so với cùng kỳ, doanh thu ước đạt 43 tỷ đồng vượt 23% so với kế hoạch và tăng 13% so với cùng kỳ, lợi nhuận đạt 1,67 tỷ vượt 27% kế hoạch và tăng 48% so với cùng kỳ.
- + Sản phẩm thùng 18/20L thị phần Công ty PMS tăng 5% giữ mức 55% thị phần, nguyên nhân do bộ phận bán hàng tiếp thị các khách hàng lấy sản phẩm của PMS (từ nhiều nhà cung cấp sang sử dụng 01 nhà cung cấp PMS hoặc tỷ trọng cao hơn nhà cung cấp khác như: International, Nanpaio, Urai Chemical,....)

- **Sản phẩm xởng Bồn:**

Năm 2014 là năm thuận lợi nhất từ trước đến nay của sản phẩm xởng Bồn nguyên nhân do chính sách vĩ mô của nhà nước trong việc kiểm soát chặt chẽ các loại phương tiện quá khổ quá tải trên đường bộ, nên hiện nay các đơn vị vận chuyển đều phải đóng mới xe theo đúng chuẩn của cục đăng kiểm do đó lĩnh vực kinh doanh xe bồn trong năm 2014 tăng mạnh, Công ty cũng xác định được nhu cầu của xã hội rất lớn trong việc sửa chữa và đóng mới các loại xe chuyên dung. Đây là cơ hội để Công ty tiếp thị và quảng bá sản phẩm trên thị trường.

- + **Kinh doanh xe bồn và bồn Elip:** Doanh thu đạt 79 tỷ vượt 591% so với kế hoạch năm và tăng 900% so với cùng kỳ, lợi nhuận ước đạt 1,63 tỷ vượt 585% so với kế hoạch và tăng 646% so với cùng kỳ.
- + **Bồn tròn các loại:** Doanh thu đạt 81% kế hoạch năm và bằng 77% so với cùng kỳ, lợi nhuận đạt 75% so với kế hoạch năm và bằng 95% so với cùng kỳ.

- **Kinh doanh dịch vụ:**

- + **Kinh doanh thiết bị và nhận diện thương hiệu:** Doanh thu đạt 28 tỷ đồng vượt 34% so với kế hoạch, lợi nhuận đạt 868 triệu đồng đạt 91% so với kế hoạch năm. Năm 2014 lĩnh vực kinh doanh này gặp rất nhiều khó khăn do các dự án của các Công ty có vốn đầu tư lớn như: xây dựng kho cảng xăng dầu đều ngừng mở rộng hoặc tạm dừng.
- + **Kinh doanh xăng dầu:** Sản lượng đạt 28.500 m<sup>3</sup> vượt 10% so với kế hoạch và tăng 10% so với cùng kỳ, doanh thu đạt 587 tỷ đồng vượt 4% kế hoạch, lợi nhuận đạt 1,8 tỷ đồng vượt 10% so với kế hoạch năm. Đây là lĩnh vực tiếp tục mang lại hiệu quả, lợi nhuận cao và chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu lợi nhuận của Công ty, tuy nhiên đây là ngành nghề kinh doanh có điều kiện phụ thuộc rất nhiều vào chính sách của nhà nước và Tập đoàn XD Việt Nam. Đặc biệt trong quý IV năm 2014 xăng dầu giảm giá liên tục gây rất nhiều khó khăn cho Công ty, lợi nhuận trong quý IV rất thấp và dự báo sẽ kéo dài khó khăn sang năm 2015.
- + **Kinh doanh dịch vụ khác (xây lắp):** Doanh thu đạt 17 tỷ đồng vượt 15% kế hoạch, lợi nhuận đạt 497 triệu đồng vượt 11% so với kế hoạch năm.

- **Lĩnh vực tài chính:**

- + **Tại Công ty PMG:** Năm 2014 lợi nhuận được chia từ P.M.G đạt 1,225 tỷ đồng vượt 36% so với kế hoạch năm.

## 2. Tình hình tài chính

- **Tình hình tài sản:** Tổng tài sản của công ty tại ngày 31/12/2014 là 191.565.660.857 đồng, tăng so với ngày 01/01/2014 là giảm 21.739.298.064 đồng trong đó chủ yếu tăng các khoản phải thu ngắn hạn từ 64.261.173.440 đồng tăng lên 81.636.743.849 đồng.
- **Tình hình nợ phải:** Số dư nợ phải trả ngày 31/12/2014 là 71.041.587.286 đồng tăng so với ngày 01/01/2014 là 18.515.805.201 đồng trong đó chủ yếu tăng nợ vay ngắn hạn. Trong năm 2014 công ty luôn thực hiện thanh toán đúng hạn cho các bên liên quan

## 3. Những cải tiến và cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Từng bước tổ chức lại doanh nghiệp phân định rõ ràng trách nhiệm của từng bộ phận, phòng ban tạo điều kiện phát huy được năng lực của từng cá nhân và tập thể. Tăng cường kỷ luật lao động, nâng cao tính chủ động và linh hoạt trong công tác quản lý.
- Triển khai từng bước áp dụng chương trình phần mềm kế toán, hạn chế các khâu thủ công và sử dụng tài sản của công ty một cách hợp lý và hiệu quả

### Các biện pháp kiểm soát

- Đánh giá kết quả công việc thực hiện của từng nhân viên trong công ty ngày càng nghiêm túc hơn góp phần nâng cao hiệu quả trong công việc. Hằng năm mức cạnh tranh của mặt bằng lương cũng như thu nhập cho từng vị trí công việc, trách nhiệm của từng người sẽ được đánh giá lại, xem xét và điều chỉnh cho phù hợp.
- Kiểm soát chặt chẽ quy trình thanh toán, theo dõi công nợ, quy trình mua vật tư đầu vào.

## 4. Kế hoạch năm 2015 và triển vọng trong tương lai :

- **Kế hoạch SXKD năm 2015:** Căn cứ kết quả SXKD năm 2014 và dự báo, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch năm 2015, kế hoạch sản xuất kinh doanh đề ra cho năm 2015 như sau :
  - Doanh thu bán hàng: 705 tỷ đồng, bằng 80,93% so với năm 2014
  - Lợi nhuận trước thuế: 12 tỷ đồng, bằng với thực hiện năm 2014
  - Tổng giá trị đầu tư: 7 tỷ đồng bằng 225% so với năm 2014
  - Tiền lương bình quân 7,4 triệu đồng tương đương mức lương thực hiện năm 2014

### Công ty cần tập trung thực hiện các công tác chủ yếu là:

- + Công tác sản xuất - kỹ thuật: Tập trung quản lý sản xuất, quản lý MMTB và thực hiện các định mức kinh tế - kỹ thuật. Quản lý chất lượng sản phẩm, đảm bảo tuyệt đối an toàn trong sản xuất. Đảm bảo tuân thủ các quy trình sản xuất, đáp ứng yêu cầu về công nghệ nhằm ổn định chất lượng và nhiệm vụ trọng tâm. Đồng thời tổ chức khai thác sử dụng hiệu quả thiết bị máy móc đã bị đã đầu tư, tổ chức nghiên cứu cải tiến kỹ thuật, phát huy sáng kiến... tìm mọi biện pháp để không ngừng nâng cao năng suất lao động, nâng cao năng lực trình độ cán bộ và nâng cao tay nghề cho công nhân.
- + Công tác lao động tiền lương: Tập trung công tác cán bộ; tiếp tục rà soát sắp xếp, củng cố đội ngũ cán bộ chủ chốt; đào tạo, tuyển dụng, bổ sung thay thế lao động cho các phòng, ban, xưởng... nhằm đáp ứng yêu cầu công việc. Thường xuyên chăm lo đến đời sống vật chất, tinh thần cho CBCNV, có chính sách giữ được người có trình độ cao, tay nghề giỏi. Đảm bảo thu nhập và việc làm cho CBCNV Công ty.
- + Công tác thị trường: Tăng cường công tác tiếp thị, phát triển sản phẩm mới, linh hoạt xử lý giá bán đối với từng khách hàng trên cơ sở chi phí bán hàng phát sinh theo đối tượng, tăng tính cạnh tranh, giữ được khách hàng truyền thống và phát triển khách hàng mới.
- + Công tác Tài chính kế toán: Củng cố nhân lực, hoàn thiện phần mềm kế toán đáp ứng và nâng cao yêu cầu quản lý tài chính, quản trị doanh nghiệp và hạch toán báo cáo kế

toán đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, chủ động, linh hoạt trong việc giải quyết vấn đề vốn cho sản xuất kinh doanh và đầu tư, tăng cường quản lý công tác tài chính như kiểm soát tốt công tác quản lý công nợ.

- + Công tác đầu tư và triển khai các dự án: Theo dõi sát diễn biến thị trường bất động sản, phối hợp với đơn vị tư vấn đề có phương án đầu tư có hiệu quả của dự án 446 Nơ Trang Long, đất Bình Dương phù hợp với diễn biến thị trường và khả năng (vốn, con người...) của Công ty. Xây dựng kế hoạch và phương án đầu tư MMTB phục vụ yêu cầu sản xuất.
- + Hoạt động liên doanh: Phát huy kết quả đạt được trong năm 2014, hỗ trợ, nâng cao năng lực hoạt động để Công ty PMG tiếp tục phát triển bền vững trong những năm tiếp theo.

• **Kế hoạch Tài chính năm 2015:**

- Tình hình tài chính năm 2015 dự báo có những khởi sắc, Công ty tăng cường quản lý công tác tài chính như kiểm soát tốt công tác quản lý công nợ, các biện pháp đảm bảo nợ, định mức số dư công nợ, theo dõi chặt chẽ và đôn đốc thu hồi kịp thời, giảm số dư công nợ phải thu, đàm phán nhà cung cấp kéo dài thời gian thanh toán, khách hàng ứng trước tiền hàng.
- Với những định hướng trên, trong năm 2015 Hội đồng quản trị sẽ tăng cường chỉ đạo các hoạt động SXKD của Công ty, tạo điều kiện cho hoạt động điều hành của Giám đốc Công ty bám sát các mục tiêu kế hoạch đề ra. Đồng thời sẽ chỉ đạo linh hoạt các dự án đầu tư nhằm mang lại hiệu quả và tạo ra bước phát triển mới cho Công ty.

**Giải pháp thực hiện :**

- Tiết giảm chi phí; chú trọng công tác quản trị kinh doanh, quản lý tài chính, quản lý công nợ....bảo toàn an toàn và hiệu quả trong kinh doanh
  - + Quản lý, rà soát các định mức tiêu hao NVL, chi phí quản lý và chi phí bán hàng nhằm giảm giá thành, giá vốn hàng bán ra, tăng lợi nhuận Công ty.
  - + Theo dõi sát diễn biến thị trường nguyên liệu đầu vào đặc biệt giá thép, đưa ra thời điểm thích hợp để mua nguyên liệu nhằm tránh rủi ro về giá, đảm bảo mức dự trữ hợp lý.
  - + Tập trung quản lý chặt chẽ NVL đầu vào, tìm kiếm nhiều nguồn hàng cung cấp đảm bảo chất lượng, giá cạnh tranh, đàm phán tăng thời gian thanh toán
  - + Quản lý chặt chẽ dòng tiền và nâng cao hiệu quả sử dụng đồng vốn. Tích cực đôn đốc thu hồi công nợ khách hàng, công nợ phải thu và đàm phán nhà cung cấp kéo dài thời gian thanh toán, khách hàng ứng trước tiền hàng, thực hiện đảm bảo công nợ (đối với các khách hàng có số dư công nợ lớn)
- Đầu tư
  - + Đầu tư, sửa chữa nâng cấp máy móc thiết bị để duy trì sản xuất ổn định và đảm bảo chất lượng sản phẩm bán ra.
  - + Xây dựng chiến lược đầu tư phục vụ cho yêu cầu sản xuất kinh doanh lâu dài, ổn định và phát triển. Chuẩn bị các điều kiện về vốn, cơ sở vật chất cho những năm tiếp theo.

- Công tác tổ chức, cán bộ
  - + Tổ chức quy hoạch và có kế hoạch đào tạo đội ngũ lãnh đạo, cán bộ chủ chốt của Công ty; làm tốt công tác tuyển dụng, đánh giá sàng lọc nhân sự; củng cố và phát triển đội ngũ kinh doanh, kỹ thuật phù hợp với yêu cầu thị trường và Công ty.
- **Tổ chức, lao động, tiền lương**
  - Củng cố tinh gọn bộ máy tổ chức đáp ứng yêu cầu quản lý, sản xuất kinh doanh. Làm tốt công tác định biên, chú trọng phát triển nguồn nhân lực, nhất là cán bộ quản lý và chuyên viên giỏi. Có kế hoạch bổ sung đội ngũ cán bộ lãnh đạo cấp phòng trở lên, ưu tiên việc tuyển dụng và đào tạo lao động có nghiệp vụ chuyên môn và tay nghề cao.
  - Đối với lao động trực tiếp: Cần phải rà soát sắp xếp hợp lý sản xuất, nâng cao năng suất lao động, chuẩn bị lực lượng để triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh trong năm 2015 và những năm tiếp theo.
  - Tiền lương, tiền thưởng: Đảm bảo thu nhập CBCNV ổn định và ngày được nâng cao. Tiếp tục đánh giá và hoàn thiện quy chế lương, thưởng nhằm đảm bảo công bằng và là đòn bẩy tăng năng suất lao động và phát huy sáng tạo của người lao động. Thực hiện các phương án khoán lương phù hợp, hiệu quả, tìm kiếm, mở rộng kinh doanh sản phẩm mới tạo điều kiện nâng cao thu nhập cho người lao động.
- **Sản xuất - kinh doanh:**
  - Xác định chiến lược và mục tiêu kinh doanh trong từng thời kỳ. Phối hợp chặt chẽ và đồng bộ giữa các bộ phận nghiệp vụ và các xưởng sản xuất, đáp ứng yêu cầu khách hàng về số lượng, chất lượng, tiến độ thời gian. Xây dựng đội ngũ bán hàng chuyên nghiệp; nâng cao trình độ, khả năng đàm phán, bán hàng của cán bộ, chuyên viên phòng kinh doanh. Xử lý linh hoạt giá bán, làm tốt công tác hậu mãi sau bán hàng...Xây dựng và phát triển các kênh bán hàng có tiềm năng và hiệu quả bên cạnh củng cố kênh bán hàng truyền thống. Hỗ trợ linh hoạt các nguồn lực từ các kênh bán hàng này. Chú trọng công tác PR, quảng bá thương hiệu PMS, tăng cường các mối quan hệ đối với khách hàng hiện hữu, khách hàng tiềm năng. Tăng cường công tác nghiên cứu mở rộng thị trường và phát triển kinh doanh sản phẩm mới.
- **Quản lý tài chính:**
  - Xây dựng, hoàn thiện và ban hành các qui định về quản lý nội bộ; đảm bảo tính minh bạch, hiệu quả và đúng luật pháp qui định. Tổ chức đánh giá, phân tích có trọng điểm một số chỉ phí chính đầu vào, chi phí bán hàng, chi phí quản lý... tìm các giải pháp để tiết giảm chi phí trong sản xuất kinh doanh.
  - Đảm bảo cân đối vốn đáp ứng kịp thời cho sản xuất kinh doanh, dự trữ tồn kho hợp lý, hiệu quả, xử lý linh hoạt theo tình hình thị trường. Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, tăng cường công tác quản lý công nợ, theo dõi chặt chẽ và đôn đốc thu hồi kịp thời, giảm số dư công nợ phải thu, hạn chế công nợ dây dưa khó đòi; giảm tỷ trọng ứng trước tiền hàng cho người bán.
  - Quản lý dòng tiền: Theo sát và xử lý thật linh hoạt các nguồn tiền có tại đơn vị, đẩy nhanh tốc độ luân chuyển, nâng cao hiệu quả sử dụng, tiết kiệm tối đa chi phí lãi vay
- **Các giải pháp Kỹ thuật:**
  - Đầu tư đổi mới hiện đại hóa một số máy móc thiết bị hiện có, nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, tiết giảm chi phí và hạ giá thành sản phẩm nâng cao năng lực và khả năng cạnh tranh. Việc lựa chọn Phương án đầu tư – cải tạo – nâng cấp thiết bị phải đảm bảo phù hợp với mục tiêu phương hướng phát triển của Công ty, khả năng nguồn vốn và hiệu quả sử dụng.

- Đảm bảo năng lực sản xuất hiện có thông qua công tác sửa chữa bảo trì thường xuyên máy móc thiết bị. Phát huy phong trào sáng kiến cải tiến kỹ thuật, nghiên cứu thiết kế chế tạo sản phẩm mới và dịch vụ; cung cấp kịp thời, chính xác đảm bảo nhu cầu phát sinh của thị trường theo yêu cầu của Kinh doanh.
- Triển khai thực hiện việc giám sát các định mức kinh tế - kỹ thuật, giảm chi phí và giá thành sản phẩm, nâng cao hiệu quả trong sản xuất kinh doanh.

#### IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty.

##### - **Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty.**

Căn cứ nhiệm vụ đặt ra tại Nghị quyết ĐHĐCĐ Thường niên năm 2013 với những thuận lợi và khó khăn như đã nêu, trong năm qua HĐQT đã theo dõi các biến động thị trường và chỉ đạo sát sao, kịp thời hoạt động điều hành thông qua những nghị quyết cụ thể. Kết quả thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2013 tại Công ty như sau:

- + **Thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh 2014:** Năm 2014 tình hình kinh tế, chính trị thế giới chưa có dấu hiệu khởi sắc. Ở trong nước, mặc dù một số căn đối vĩ mô có cải thiện, nhưng các hoạt động sản xuất kinh doanh của các Doanh nghiệp vẫn tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức. Lạm phát tuy đã được kiềm chế nhưng vẫn còn tiềm ẩn nguy cơ tăng trở lại. Nợ xấu về cơ bản chưa được giải quyết. Việc tiếp cận nguồn vốn tín dụng của nhiều Doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn. Tuy vậy, với sự cố gắng nỗ lực rất lớn của tập thể CBCNV Công ty, việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh 2014 được ĐHĐCĐ năm 2013 giao đã đạt được kết quả tương đối khả quan.

##### *Kết quả đạt được như sau*

- Doanh thu: 871,43 tỷ đồng, vượt 15% kế hoạch.
- Lợi nhuận trước thuế: Đạt 12 tỷ đồng, vượt 26% kế hoạch.
- + **Thực hiện dự án đầu tư 2014:**
  - Năm 2014 do tình hình kinh tế khó khăn, thị trường bất động sản chưa có dấu hiệu cải thiện, do vậy HĐQT đã quyết định giãn tiến độ so với kế hoạch. Phần lớn các Dự án đầu tư, xây dựng, mua sắm lớn tại Công Ty đều tạm dừng; đang theo dõi xem xét và lựa chọn thời điểm thích hợp để quyết định tiếp tục triển khai dự án.
  - Dự án Khu căn hộ và Trung tâm TM 446 Nơ Trang Long, P.13, Q.Bình Thạnh, Tp.HCM: tiếp tục đàm phán với các đối tác để chọn phương án phù hợp.
  - Dự án tại Bình Dương: theo NQ ĐHĐCĐ thường niên 2013, uỷ quyền cho HĐQT Công ty chọn phương án xử lý (bán, cho thuê...). Năm 2014 chưa thực hiện được, Công ty tiếp tục xem xét xử lý ( bán, cho thuê...) trong năm 2015.
  - Mua 2 cây xăng: Đang tìm kiếm cửa hàng phù hợp với vốn đầu tư và đạt hiệu quả đầu tư.
  - Đầu tư sửa chữa nâng cấp máy móc thiết bị sản xuất tại 2 xưởng 3,5 tỷ đồng đạt 54,7% so với kế hoạch.

##### - **Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban giám đốc Công ty.**

- + Trong quá trình giám sát hoạt động SXKD năm 2014, HĐQT không thấy bất kỳ điều gì bất thường trong hoạt động của BGD và các cán bộ quản lý Công ty.
- + BGD đã có những chủ động trong việc thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các Nghị quyết của HĐQT trong công tác điều hành, cố gắng hoàn thiện, đổi mới phương thức quản lý, thống nhất trong công tác điều hành, có những quyết sách kịp thời

đúng đắn, khắc phục khó khăn, giảm thiểu rủi ro trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị, nỗ lực đưa Doanh nghiệp vượt qua giai đoạn khó khăn, bảo toàn nguồn vốn của Cổ đông.

**- Các kế hoạch định hướng của Hội đồng quản trị.**

- + Không ngừng nâng cao hiệu quả hoạt động của HĐQT trên cơ sở tuân thủ chặt chẽ các quy định của pháp luật, điều lệ Công ty, tập trung chính vào chức năng giám sát hoạt động của HĐQT đối với ban điều hành, cán bộ quản lý và các mặt hoạt động của Công ty. HĐQT và Ban điều hành tập trung mọi nguồn lực để đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh năm 2015 và những năm tiếp theo.
- + Công ty phải triển khai thực hiện có hiệu quả các quy chế, quy định quản lý nội bộ đã ban hành để đáp ứng yêu cầu quản trị nội bộ của Công ty.
- + Công ty cần tiếp tục rà soát và thực hiện các biện pháp tích cực hơn nữa để tiết giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý, nâng cao hiệu quả kinh doanh.
- + Công ty cần tăng cường công tác quản lý công nợ, tích cực đôn đốc và có giải pháp thu hồi công nợ quá hạn.
- + Công ty cần tăng cường nâng cao năng lực sản xuất trên cơ sở đầu tư có hiệu quả máy móc thiết bị chuyên dùng, tinh gọn bộ máy và nâng cao chất lượng người lao động.
- + Tích cực tìm kiếm các nhà cung cấp dịch vụ, nguyên vật liệu có uy tín, nguồn hàng ổn định để tăng tính cạnh tranh và hiệu quả kinh doanh.

**V. Quản trị Công ty**

**1. Hội đồng quản trị.**

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Nguyễn Quang Kiên	Chủ tịch HĐQT	
2	Trịnh Bá Bộ	Phó chủ tịch HĐQT	
3	Howang Yu Nam	Ủy viên HĐQT	
4	Đoàn Đắc Học	Ủy viên HĐQT	Kiểm Giám Đốc
5	Nguyễn Vũ Bảo Hoàng	Ủy viên HĐQT	

**Chủ tịch HĐQT** : Ông NGUYỄN QUANG KIÊN

Dân tộc : Kinh

Quốc tịch : Việt Nam

Ngày tháng năm sinh : 25-09-1957

Nơi sinh : Quảng Yên - Yên Hưng - Quảng Ninh

Địa chỉ : F14 tập thể xăng dầu – Đồng Nhân – Hai bà Trưng – Hà Nội

Trình độ chuyên môn : Đại học

Quá trình công tác :

1974 - 1975 : Khoa lưu học sinh – Đại học ngoại ngữ Hà Nội

1975 - 1981 : Học đại học tại Hungary

1982 – 1989 : CV phòng kỹ thuật Tổng công ty Xăng Dầu Việt Nam



08/1989 -10/1991 : Phó phòng – trưởng phòng kỹ thuật  
 08 – 1993 : TP Công nghệ đầu tư Tổng công ty Xăng Dầu Việt Nam  
 09 – 1994 : TP Công nghệ phát triển Tổng công ty Xăng Dầu Việt Nam  
 06- 1998 : Học lớp cao cấp LLCT - Học viện chính trị Quốc Gia TP HCM  
 03/2000 đến nay : Phó Tổng Giám Đốc Tổng công ty Xăng Dầu Việt Nam  
 Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ Phần Cơ Khí Xăng Dầu  
 Cổ phần cá nhân nắm giữ : 380 cổ phần

**Phó chủ tịch HĐQT** : **Ông TRỊNH BÁ BỘ**  
 Dân tộc : Kinh  
 Quốc tịch : Việt Nam  
 Ngày tháng năm sinh : 02 - 01 -1960  
 Địa chỉ : 14 Trần Thị Kỳ - Phường 14 – Quận Bình Thạnh  
 Trình độ chuyên môn : Kỹ sư cơ khí và cử nhân kinh tế ngành kế toán  
 Quá trình công tác :  
 1982 – 1985 : Công tác tại xí nghiệp 23/11 nay là PMS  
 05/1985 -02/1989 : Phó quản đốc – TP kinh doanh Công ty CP Cơ Khí Xăng Dầu  
 09/1990 – 05/1998 : Phó giám đốc Công ty Cổ Phần Cơ Khí Xăng Dầu  
 06/1998 -09/2008 : Giám đốc Xí nghiệp bán lẻ Xăng Dầu – Công ty XD Khu Vực II  
 Từ 10/2008 đến nay: Phó giám đốc Công ty Xăng Dầu KV II  
 Phó chủ tịch HĐQT của Công ty Cổ Phần Cơ Khí Xăng Dầu  
 Cổ phần cá nhân nắm giữ : 32.777 cổ phần  
 Cổ phần nhà nước ủy quyền không có

**Ủy viên HĐQT** : **Ông HOWANG YU NAM**  
 Quốc tịch : Hàn Quốc  
 Ngày tháng năm sinh : 01 – 02 -1963  
 Nơi sinh : Hàn Quốc  
 Trình độ chuyên môn : Tốt nghiệp trường Đại học Miền Nam California  
 Ngành Khoa học - Chính trị  
 Tốt nghiệp thạc sĩ trường Đại học Mỹ - Ngành Quản lý tài chính  
 Quá trình công tác :  
 1990 -1993 : Chuyên viên phân tích dự án tại Hawaii Medical Service  
 Association, Honolulu, Hawaii.  
 1994 – 1998 : Chuyên gia phòng phát triển TC tại Global Consulting Group  
 1999 – 2002 : Giám đốc phòng kinh doanh quốc tế tại Centum City Corporation.  
 2002 đến nay : Giám đốc điều hành cho tập đoàn xây dựng DAEWON  
 2005 đến nay : Tổng giám đốc Công ty CP Phát Triển Nhà Daewon

Ủy viên HĐQT của Công ty Cổ Phần Cơ Khí Xăng Dầu.

**Ủy viên HĐQT** : **Ông ĐOÀN ĐẮC HỌC**  
 Dân tộc : Kinh  
 Quốc tịch : Việt Nam  
 Ngày tháng năm sinh : 24 - 09 - 1968  
 Địa chỉ : 553/28E - Nguyễn Kiệm - P.9 - Quận Phú Nhuận - TPHCM  
 Trình độ chuyên môn : Kỹ sư điện và cử nhân kinh tế  
 Quá trình công tác :  
 1991 – 2001 : Cán bộ kỹ thuật – Quản đốc Công ty Cơ Khí Xăng Dầu  
 2001 -2003 : Phó phòng kinh doanh Công ty Cổ Phần Cơ Khí Xăng Dầu  
 2003 -2008 : Trưởng phòng kinh doanh Công ty Cổ Phần Cơ Khí Xăng Dầu  
 2009 - 2009 : Phó giám đốc Công ty Cổ Phần Cơ Khí Xăng Dầu  
 11/2009 đến nay : Giám đốc Công ty Cổ Phần Cơ Khí Xăng Dầu  
 Ủy viên HĐQT Công ty Cổ Phần Cơ Khí Xăng Dầu  
 Cổ phần cá nhân nắm giữ : 61.840 cổ phần

**Ủy viên HĐQT** : **Ông NGUYỄN VŨ BẢO HOÀNG**  
 Dân tộc : Kinh  
 Quốc tịch : Việt Nam  
 Ngày tháng năm sinh : 18 - 10 - 1976  
 Nơi sinh : TP.HCM  
 Trình độ chuyên môn : Tiến sĩ Quản Trị Kinh doanh, Thạc sỹ kinh tế,  
 Cử nhân quản trị kinh doanh, CEO,  
 Giám đốc kinh doanh, Marketing (Đại học kinh tế TP.HCM)  
 Quá trình công tác :  
 1995 – 2005 : Học và làm việc tại Sydney - Australia  
 2005 – 05/2010 : Giám đốc kinh doanh tiếp thị- Công Ty CP Phát Triển Nhà Thủ Đức  
 06/2010 – 03/2012 : Phó Tổng Giám Đốc Công Ty Cổ Phần Phát Triển Nhà Thủ Đức  
 03/2012 - Nay : UV HĐQT kiêm PTGD Công Ty Cổ Phần Phát Triển Nhà Thủ Đức  
 08 /2013 : Ủy viên HĐQT Công ty Cổ Phần Cơ Khí Xăng Dầu.

**Hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2014**

STT	Số Nghị Quyết	Ngày	Nội Dung
1	14	25/01/2014	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Báo cáo ước kết quả SXKD 2013.</li> <li>• Báo cáo xây dựng KH SXKD 2014.</li> <li>• Bàn về tổ chức ĐHCĐ Thường Niên 2013.</li> </ul>

2	15	05/03/2014	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Công tác chuẩn bị ĐHCĐ Thường niên 2013</li> <li>• Công tác khác:                             <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Dự án 446 NTL: HĐQT giao Giám Đốc Công ty làm việc với các đối tác có khả năng và tiềm lực kinh tế để hợp tác phát triển dự án.</li> <li>+ Dự án Bình Dương: HĐQT giao Giám Đốc Công ty liên lạc cơ quan có thẩm quyền tìm hiểu thông tin về quy hoạch.</li> </ul> </li> </ul>
		18/04/2014	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Thông qua kết quả SXKD quý 1.</li> <li>• Triển khai NQ ĐHCĐ Thường niên 2013.</li> <li>• Xem xét nội dung thư của cổ đông Daewon- Thủ Đức.</li> </ul>
3	16	08/05/2014	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Tiếp tục nội dung phiên họp ngày 18/04/2014.</li> <li>• Công tác khác:                             <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Dự án 446 NTL và Dự án Bình Dương: HĐQT quyết định dừng không triển khai dự án như dự kiến trước đây, giao Giám Đốc Công ty nghiên cứu phương án triển khai, báo cáo HĐQT.</li> </ul> </li> </ul>
4	17	14/08/2014	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Thông qua KQSXKD 6 tháng đầu năm 2014.</li> <li>• Thông qua sửa đổi, bổ sung các quy định nội bộ.</li> </ul>
5	18	30/10/2014	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Thông quang KQSXKD 9 tháng đầu năm 2014</li> <li>• Công tác khác:                             <ul style="list-style-type: none"> <li>+ HĐQT yêu cầu Công ty xây dựng phương án di dời nhà máy, báo cáo HĐQT.</li> <li>+ Đất Bình Dương: HĐQT yêu cầu Giám Đốc Công ty báo cáo phương án bán đất Bình Dương.</li> </ul> </li> </ul>
6	19	19/12/2014	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Thông qua kết quả HDSXKD năm 2014.</li> <li>• Tạm giao kế hoạch năm 2015.</li> <li>• Công tác khác:                             <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Thành lập ban triển khai đất Bình Dương.</li> <li>+ Cử người tham gia quản lý vốn của Công ty PMS tại Công ty P.M.G</li> </ul> </li> </ul>

**2. Ban kiểm soát**

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Lê Huy Hiệp	Trưởng ban kiểm soát	
2	Nguyễn Hoàng Ngọc Phượng	TV ban kiểm soát	
3	Nguyễn Duy Hải	TV ban kiểm soát	PP kinh doanh

**Trưởng ban kiểm soát : Ông LÊ HUY HIỆP**  
 Dân tộc : Kinh  
 Quốc tịch : Việt Nam  
 Ngày tháng năm sinh : 11 - 07 - 1979  
 Nơi sinh : Hồng Bàng – Hải Phòng.  
 Địa chỉ thường trú : số 46/172 Phố Hồng Mai - P.Quỳnh Lôi - Q.Hai Bà Trưng - Hà Nội.  
 Trình độ chuyên môn : Cử nhân chuyên ngành tài chính kế toán – ĐH tài chính kế toán HN  
 Quá trình công tác :  
 02/2002 – 06/2003 : công tác tại kho gas Đức Giang – Công ty gas Petrolimex.  
 07/2003 – 01/2006 : công tác tại phòng KTTC – Công ty CP gas Petrolimex.  
 02/2006 – 09/2006 : điều động biệt phái từ Công ty CP gas Petrolimex đến công tác tại Công ty CP taxi gas Petrolimex Hà Nội.  
 09/2006 – 09/2009 : công tác tại phòng KTTC – Công ty CP gas Petrolimex.  
 09/2009 – đến nay : công tác tại phòng kiểm toán nội bộ Tổng công ty xăng dầu VN.  
 Chức vụ hiện nay : chuyên viên phòng kiểm toán nội bộ Tổng công ty xăng dầu VN.  
 Số lượng cổ phiếu cá nhân nắm giữ: không

**Ủy viên ban kiểm soát : Ông NGUYỄN DUY HẢI**  
 Dân tộc : Kinh  
 Quốc tịch : Việt Nam  
 Ngày tháng năm sinh : 11 – 09 -1981  
 Nơi sinh : Thị trấn Quế - Kim Bảng – Hà Nam  
 Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế  
 Quá trình công tác :  
 2005 – 2007 : CV phòng kế toán tài chính - Công ty Cổ Phần Cơ Khí Xăng Dầu  
 2007 – 2010 : Phó phòng kế toán tài chính – Công ty Cổ Phần Cơ Khí Xăng Dầu.  
 2010 đến 5/2014 : Phó phòng kế hoạch kinh doanh Công ty Cổ Phần Cơ Khí Xăng Dầu  
 5/2014 đến nay : P.Trách phòng KH kinh doanh Công ty Cổ Phần Cơ Khí Xăng Dầu  
 05 /2010 : Ủy viên ban kiểm soát Công ty Cổ Phần Cơ Khí Xăng Dầu.  
 Số lượng cổ phiếu cá nhân nắm giữ 500 cổ phần.

**Ủy viên ban kiểm soát : Bà NGUYỄN HOÀNG NGỌC PHƯỢNG**  
 Dân tộc : Kinh  
 Quốc tịch : Việt Nam  
 Ngày tháng năm sinh : 14 – 03 -1976  
 Nơi sinh : Quận 1, TP.Hồ Chí Minh  
 Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế  
 Quá trình công tác :  
 11/1998 – 2000 : Kế toán thanh toán Xí Nghiệp chăn nuôi Gò Sao  
 02/2000 – 06/2001 : Kế toán thanh toán Công Ty Phát Triển Nhà và Dịch Vụ Khu Công Nghiệp Thủ Đức.

- 07/2001 – 12/2006 : Kế toán thanh toán Công Ty CP Phát Triển Nhà Thủ Đức.
- 01/2007 – 09/2007 : Trợ lý kế toán trưởng Công Ty LD Phát Triển Nhà Daewon Thủ Đức
- 10/2007 – 12/2011 : Trợ lý KTT Công Ty Cổ Phần Phát Triển Nhà Daewon – Thủ Đức
- 12/2011 – 01/2012 : Phó phòng kế toán Công Ty CP Phát Triển Nhà Daewon – Thủ Đức.
- 30/03/2013 – nay : Ủy viên Ban Kiểm Soát Công Ty Cổ Phần Cơ Khí Xăng Dầu.

**- Hoạt động của Ban kiểm soát:**

Trong năm 2014 Ban kiểm soát đã chủ động thay mặt cổ đông kiểm tra, giám sát hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty trên cơ sở quy định của pháp luật và Điều lệ của công ty. Cụ thể:

- + Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2014, việc thực hiện nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2013, việc tuân thủ Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công Ty và Pháp luật.
- + Tham gia các cuộc họp HĐQT Công ty, thường xuyên rà soát xem xét tính hợp lý, hợp pháp của việc ban hành Nghị quyết của HĐQT, nhằm đảm bảo sự hợp lý, đúng đắn và vì quyền lợi của Công ty.
- + Thẩm định Báo cáo tài chính, đánh giá tình hình tài chính, hiệu quả hoạt động, khả năng bảo toàn và phát triển vốn của Doanh nghiệp. Các kiến nghị và đề xuất về công tác quản lý và điều hành kinh doanh đã được HĐQT và Ban điều hành triển khai và khắc phục kịp thời.

**3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát.**

Theo nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2014 thông qua ngày 29/03/2014, mức thù lao HĐQT, BKS năm 2014 bình quân mỗi người/ 1 tháng bằng mức thu nhập bình quân CBCNV Công ty 1 người/ 1 tháng.

Thu nhập bình quân 1 CBCNV năm 2014 là: 6.900.000 đồng/ 1 tháng.

Tổng thù lao HĐQT: 6.900.000 đồng / tháng x 8 x 12 = 662.400.000 đồng

**- Bảng quyết toán thù lao HĐQT năm 2014.**

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	HỆ SỐ	T.GIAN	THU NHẬP
1	Nguyễn Quang Kiên	CT HĐQT	1.0	12	116.213.000
2	Trịnh Bá Bộ	PCT. HĐQT	0.8	12	92.968.000
3	Howang Yu Nam	PCT. HĐQT	0.8	12	92.968.000
4	Đoàn Đắc Học	UV. HĐQT	0.7	12	81.347.000
5	Nguyễn Vũ Bảo Hoàng	UV. HĐQT	0.7	12	81.347.000
6	Lê Huy Hiệp	TB. BKS	0.7	12	81.347.000
7	Nguyễn Duy Hải	TV. BKS	0.5	12	58.105.000
8	Nguyễn Hoàng Ngọc Phụng	TV. BKS	0.5	12	58.105.000
	<b>Cộng</b>		<b>6.9</b>	<b>96</b>	<b>662.400.000</b>

Trong đó: Thù lao TV HĐQT và BKS không tham gia điều hành : 522.948.000 đồng  
 Thù lao TV HĐQT và BKS tham gia điều hành (\*) : 139.452.000 đồng

- Thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, thu nhập Ban Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty trong năm:

STT	HỌ VÀ TÊN	TỔNG T.NHẬP	GHI CHÚ
<b>I</b>	<b>HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:</b>		
1	Nguyễn Quang Kiên	108.727.000	
2	Trịnh Bá Bộ	86.982.000	
3	Howang Yu Nam	86.982.000	
4	Đoàn Đắc Học	76.109.000	
5	Phạm Đình Kháng	3.342.000	
5	Nguyễn Vũ Bảo Hoàng	52.712.000	
<b>II</b>	<b>BAN KIỂM SOÁT:</b>		
1	Lê Huy Hiệp	76.109.000	
2	Nguyễn Duy Hải	54.364.000	
3	Nguyễn Hữu Tâm	15.400.000	
4	Nguyễn Hoàng Ngọc Phượng	48.273.000	
<b>III</b>	<b>BAN GIÁM ĐỐC và KẾ TOÁN TRƯỞNG:</b>		
1	Đoàn Đắc Học	415.325.000	
2	Dương T. Bạch Xuyên	342.004.000	
3	Đào Quốc Hưng	342.256.000	
4	Hồ Trí Lượng	276.853.000	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>1.985.438.000</b>	

<u>Bên liên quan</u>	Năm 2013 VND	Năm 2014 VND
Thù lao HĐQT, BKS, Thu nhập BGD và KTT	1.,874.287.500	1.985.438.000

**Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:**

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
	Không phát sinh						

TP.HCM, ngày 20 tháng 03 năm 2015



GIÁM ĐỐC

ĐOÀN ĐẮC HỌC

**VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Đã được kiểm toán bởi Công ty CPA Việt Nam)



## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XĂNG DẦU

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014  
(đã được kiểm toán)

A member of  International



**NỘI DUNG**

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	05-32
Bảng cân đối kế toán	05-06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	08-09
Thuyết minh báo cáo tài chính	10-32

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ Khí Xăng Dầu (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Cơ Khí Xăng Dầu tiền thân là doanh nghiệp nhà nước được chuyển thành công ty cổ phần theo Quyết định số 132/1999/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 1999 của Thủ tướng Chính phủ.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 063343 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21 tháng 10 năm 1999 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0301830116 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký thay đổi lần thứ mười một ngày 26 tháng 4 năm 2012.

Trụ sở chính của Công ty: 446 Nơ Trang Long, P.13, Q. Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Quang Kiên	Chủ tịch
Ông Trịnh Bá Bộ	Phó Chủ tịch
Ông Howang Yu Nam	Phó Chủ tịch
Ông Đoàn Đắc Học	Ủy viên
Ông Nguyễn Vũ Bảo Hoàng	Ủy viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Đoàn Đắc Học	Giám đốc
Bà Dương Thị Bạch Xuyên	Phó Giám đốc
Ông Đào Quốc Hưng	Phó Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Lê Huy Hiệp	Trưởng ban
Ông Nguyễn Duy Hải	Thành viên
Bà Nguyễn Hoàng Ngọc Phượng	Thành viên

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính cho Công ty.

## CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 01 năm 2015



Đoàn Đắc Học

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

Kính gửi: **Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Cơ Khí Xăng Dầu**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cơ Khí Xăng Dầu được lập ngày 20 tháng 01 năm 2015, từ trang 05 đến trang 32, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của kiểm toán viên**

- Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cơ Khí Xăng Dầu tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Chi nhánh Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC**

**Bùi Văn Thảo**  
Giám đốc  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số: 0522-13-002-1  
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 03 năm 2015



**Trần Trung Hiếu**  
Kiểm toán viên  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số: 2202-2013-002-1

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
			VND	VND
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>147.748.963.943</b>	<b>122.340.450.338</b>
110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	3	<b>13.657.827.890</b>	<b>12.423.091.341</b>
111	1. Tiền		11.657.827.890	9.423.091.341
112	2. Các khoản tương đương tiền		2.000.000.000	3.000.000.000
120	<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	4	<b>83.337.451</b>	<b>79.942.400</b>
121	1. Đầu tư ngắn hạn		664.805.451	664.805.451
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(581.468.000)	(584.863.051)
130	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>81.636.743.849</b>	<b>64.261.173.440</b>
131	1. Phải thu của khách hàng		53.811.697.806	55.362.669.662
132	2. Trả trước cho người bán		25.123.376.658	7.194.051.994
135	5. Các khoản phải thu khác	5	6.105.358.542	4.292.877.657
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(3.403.689.157)	(2.588.425.873)
140	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	6	<b>50.726.162.360</b>	<b>43.789.030.898</b>
141	1. Hàng tồn kho		50.726.162.360	43.789.030.898
150	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>1.644.892.393</b>	<b>1.787.212.259</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		1.146.471.679	42.070.449
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		-	25.072.342
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	7	324.900.682	7.278.456
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	8	173.520.032	1.712.791.012
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>43.816.696.914</b>	<b>47.485.912.455</b>
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>11.581.350.151</b>	<b>12.486.722.564</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	7.478.172.904	8.258.090.773
222	- Nguyên giá		45.680.810.093	44.491.423.918
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(38.202.637.189)	(36.233.333.145)
227	3. Tài sản cố định vô hình	10	-	-
228	- Nguyên giá		220.000.000	220.000.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(220.000.000)	(220.000.000)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	4.103.177.247	4.228.631.791
240	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	12	<b>20.673.211.447</b>	<b>21.748.315.967</b>
241	- Nguyên giá		23.145.059.192	23.145.059.192
242	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.471.847.745)	(1.396.743.225)
250	<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	13	<b>11.037.210.441</b>	<b>11.037.210.441</b>
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		11.037.210.441	11.037.210.441
260	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>524.924.875</b>	<b>2.213.663.483</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	20.000.000	960.706.061
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		4.924.875	2.957.422
268	3. Tài sản dài hạn khác		500.000.000	1.250.000.000
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>191.565.660.857</b>	<b>169.826.362.793</b>

### BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
			VND	VND
300	<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>71.041.587.286</b>	<b>52.525.782.085</b>
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>69.683.469.655</b>	<b>51.017.664.454</b>
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	15	22.960.959.431	-
312	2. Phải trả người bán		10.033.436.584	15.593.066.007
313	3. Người mua trả tiền trước		22.792.308.534	17.914.692.152
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	1.742.440.738	2.521.481.051
315	5. Phải trả người lao động		5.298.176.882	1.674.393.727
316	6. Chi phí phải trả	17	3.581.894.996	8.622.199.593
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	18	3.274.252.490	4.676.323.905
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		-	15.508.019
330	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>1.358.117.631</b>	<b>1.508.117.631</b>
333	3. Phải trả dài hạn khác		500.000.000	650.000.000
337	7. Dự phòng phải trả dài hạn		858.117.631	858.117.631
400	<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>120.524.073.571</b>	<b>117.300.580.708</b>
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	19	<b>120.524.073.571</b>	<b>117.300.580.708</b>
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		72.276.620.000	72.276.620.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		25.425.165.374	25.425.165.374
414	4. Cổ phiếu quỹ		(343.472.600)	(343.472.600)
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		10.274.521.467	10.274.521.467
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		4.637.707.655	4.313.742.981
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		8.253.531.675	5.354.003.486
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>191.565.660.857</b>	<b>169.826.362.793</b>

### CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	146.276.000
4. Nợ khó đòi đã xử lý		914.584.016	914.584.016
5. Ngoại tệ các loại			
- USD		178.272,99	66.285,83

Người lập

Kế toán trưởng

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 01 năm 2015



Đỗ Thị Hồng Hạnh

Hồ Trí Lượng

Đoàn Đắc Học

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2014

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		871.430.095.103	751.143.967.064
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	871.430.095.103	751.143.967.064
11	4. Giá vốn hàng bán	21	825.603.940.760	709.409.088.714
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		45.826.154.343	41.734.878.350
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22	1.964.554.794	1.651.354.078
22	7. Chi phí tài chính	23	192.346.290	774.588.299
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		188.538.365	760.173.637
24	8. Chi phí bán hàng	24	12.123.592.507	13.180.325.594
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	23.404.684.594	19.576.468.129
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		12.070.085.746	9.854.850.406
31	11. Thu nhập khác	26	216.288.456	37.731.139
32	12. Chi phí khác	27	276.756.339	823.753.255
40	13. Lợi nhuận khác		(60.467.883)	(786.022.116)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		12.009.617.863	9.068.828.290
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	28	2.628.098.844	2.589.459.644
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		(1.967.453)	75.160
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>9.383.486.472</u>	<u>6.479.293.486</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	29	1.180	773

Người lập

Đỗ Thị Hồng Hạnh

Kế toán trưởng

Hồ Trí Lượng

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 01 năm 2015

Giám đốc



Đoàn Đắc Học

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2014

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
			VND	VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		12.009.617.863	9.068.828.290
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	Khấu hao tài sản cố định		3.072.115.727	2.661.490.969
03	Các khoản dự phòng		811.868.233	1.072.003.104
04	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		(4.456.825)	(221.782)
05	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(1.915.377.448)	(1.636.310.945)
06	Chi phí lãi vay		188.538.365	760.173.637
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		14.162.305.915	11.925.963.273
09	Tăng, giảm các khoản phải thu		(17.418.548.498)	(3.322.857.355)
10	Tăng, giảm hàng tồn kho		(6.937.131.462)	20.720.239.284
11	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(3.814.662.946)	(5.954.189.550)
12	Tăng, giảm chi phí trả trước		(163.695.169)	(223.283.820)
13	Tiền lãi vay đã trả		(188.538.365)	(460.173.637)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(3.152.018.434)	(1.210.548.848)
15	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		1.315.466.702	-
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.837.046.628)	(4.261.682.590)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(18.033.868.885)	17.213.466.757
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(1.124.383.638)	(594.093.546)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		32.744.844	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.824.346.647	1.240.091.746
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		732.707.853	645.998.200
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		60.055.043.620	47.803.686.921
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(37.094.084.189)	(56.710.071.637)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(4.429.518.675)	(4.132.114.500)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		18.531.440.756	(13.038.499.216)



## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2014

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		1.230.279.724	4.820.965.741
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		12.423.091.341	7.601.903.818
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		4.456.825	221.782
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>13.657.827.890</u>	<u>12.423.091.341</u>

Người lập

Đỗ Thị Hồng Hạnh

Kế toán trưởng

Hồ Trí Lượng

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 01 năm 2015

Giám đốc



Đoàn Đắc Học



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2014

### 1 THÔNG TIN CHUNG

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cơ Khí Xăng Dầu tiền thân là doanh nghiệp nhà nước được chuyển thành công ty cổ phần theo Quyết định số 132/1999/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 1999 của Thủ tướng Chính phủ.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 063343 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21 tháng 10 năm 1999 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0301830116 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký thay đổi lần thứ mười một ngày 26 tháng 4 năm 2012.

Trụ sở chính của Công ty: 446 Nơ Trang Long, P.13, Q. Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty là 72.276.620.000 đồng tương đương 7.227.662 cổ phần, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên công ty	Địa chỉ
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Cơ Khí Xăng Dầu - Cửa hàng bán lẻ Xăng dầu Tân Bình Kim Hương	Cụm công nghiệp Tân Bình, Xã Tân Bình, Huyện Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Cơ Khí Xăng Dầu - Cửa hàng bán lẻ Xăng dầu Thăng Lợi	Đường Xuyên Á, Ấp Tân Hòa, Xã Đông Hòa, Huyện Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
- Cửa hàng bán lẻ Xăng dầu Thủ Đức	610 Xa lộ Đại Hàn, Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh
- Cửa hàng bán lẻ Xăng dầu Bạch Đằng	469 Bạch Đằng, Phường 2, Quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh
- Cửa hàng bán lẻ Xăng dầu Chiến Thắng	2A/7172 ấp 2 Xã Phạm Văn Hai, Huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

Hoạt động kinh doanh của các chi nhánh và cửa hàng: Kinh doanh xăng dầu

#### Ngành nghề kinh doanh

- Bán buôn dụng cụ, thiết bị phòng cháy, chữa cháy; thiết bị cứu hộ, cứu sinh. Kinh doanh vật tư, thiết bị xăng dầu, kinh doanh cơ khí bao bì. Bán buôn dụng cụ, thiết bị phòng cháy chữa cháy; thiết bị cứu hộ, cứu sinh;
- Cài tạo xe chuyên dùng. Sửa chữa xe bồn các loại. Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ;
- Kinh doanh vận tải xăng dầu bằng đường bộ. Kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô;
- Sản xuất, kinh doanh cơ khí bao bì. Đóng mới, sửa chữa bồn bể;
- Sản xuất xe có động cơ: xe bồn (trừ thiết kế phương tiện vận tải và chỉ đóng mới, sửa chữa và lắp đặt bồn, bể, thùng lên phương tiện có sẵn động cơ);
- Đóng mới và sửa chữa tàu, xà lan và các sản phẩm cơ khí khác;
- Thi công lắp đặt hệ thống xử lý nước thải;
- Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Xây dựng công nghiệp;
- Mua bán ô tô vận tải chuyên dùng;
- Mua bán xăng, dầu;
- Kinh doanh bất động sản. Đầu tư xây dựng, cho thuê hạ tầng cơ sở khu công nghiệp, trung tâm thương mại;
- Đại lý bán lẻ xăng dầu;
- Xuất nhập khẩu nguyên liệu, thiết bị vật tư phục vụ cho sản xuất kinh doanh;
- Thi công lắp đặt hệ thống đường ống áp lực, hệ thống phòng cháy, chữa cháy;
- Sản xuất thiết bị cứu hộ, cứu sinh (không hoạt động tại trụ sở).

## 2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

### 2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### 2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

#### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

#### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

#### *Hình thức kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

### 2.3 . Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

Trong báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ.

### 2.4 . Công cụ tài chính

#### *Ghi nhận ban đầu*

#### *Tài sản tài chính*

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

#### *Nợ phải trả tài chính*

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

#### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu

### 2.5 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### 2.6 . Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

## 2.7 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

## 2.8 . Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	06 - 10 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 - 05 năm
- Phần mềm quản lý	03 năm

## 2.9 . Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Bất động sản đầu tư được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính 45 năm.

## 2.10 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Kỳ phiếu, tín phiếu kho bạc, tiền gửi ngân hàng có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý của chúng tại thời điểm lập dự phòng

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán: nếu chứng khoán đã được niêm yết thì giá trị thị trường được tính theo giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) hoặc giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE); nếu chứng khoán chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán thì giá trị thị trường được xác định theo giá giao dịch bình quân trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) tại ngày lập dự phòng hoặc giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba công ty chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng. Trường hợp không thể xác định được giá thị trường của chứng khoán thì Công ty không trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán. Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi thì giá trị thị trường là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.
- Đối với các khoản đầu tư dài hạn vào tổ chức kinh tế khác: mức trích lập dự phòng được xác định dựa vào báo cáo tài chính của tổ chức kinh tế khác.

1110  
HI N  
NG T  
NG K  
AA  
BINH-  
J.030  
CỘ  
CỔ  
CƠ  
XĂNG  
THANH

#### 2.11 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

#### 2.12 . Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

#### 2.13 . Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

#### 2.14 . Các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong năm.

#### 2.15 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

000  
HÀNH  
Y TÍN  
ÉM T  
SC  
T. PH  
1183  
NG T  
PH  
KH  
Đ  
T. PH

## 2.16 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ (tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, nợ phải thu, nợ phải trả không bao gồm các khoản Người mua ứng trước và Ứng trước cho người bán, Doanh thu nhận trước) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

## 2.17 . Ghi nhận doanh thu

### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

## 2.18 . Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.



**2.19 . Các khoản thuế**

*Thuế hiện hành*

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

**2.20 . Các bên liên quan**

Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

**3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tiền mặt	47.932.000	447.231.000
Tiền gửi ngân hàng	11.609.895.890	8.975.860.341
Các khoản tương đương tiền <sup>(1)</sup>	2.000.000.000	3.000.000.000
	<b>13.657.827.890</b>	<b>12.423.091.341</b>

<sup>(1)</sup> Khoản tương đương tiền là khoản tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng tại Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex (TP.Hà Nội) Chi nhánh Sài Gòn với lãi suất 5,3%/năm.

**4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Chứng khoán đầu tư ngắn hạn <sup>(1)</sup>	309.805.451	309.805.451
Đầu tư ngắn hạn khác <sup>(2)</sup>	355.000.000	355.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn <sup>(3)</sup>	(581.468.000)	(584.863.051)
	<b>83.337.451</b>	<b>79.942.400</b>

<sup>(1)</sup> Chi tiết Chứng khoán đầu tư ngắn hạn:

Mã chứng khoán	31/12/2014		01/01/2014	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
CMG	3.360	306.000.000	3.360	306.000.000
REE	10	345.950	10	345.950
SD9	100	3.459.501	100	3.459.501
	<b>3.470</b>	<b>309.805.451</b>	<b>3.470</b>	<b>309.805.451</b>

(2) Khoản đầu tư cổ phiếu OTC vào Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi số lượng 5.000 cổ phiếu.

(3) Chi tiết dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn tại ngày 31/12/2014:

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn Công Nghệ (CMG) <sup>(3.1)</sup>	(294.620.000)	(290.880.000)
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Chế Biến Thủy Sản Út Xi	(286.848.000)	(293.983.051)
	<b>(581.468.000)</b>	<b>(584.863.051)</b>

Cơ sở trích lập dự phòng:

(3.1) Giá đóng cửa tại ngày 31/12/2014 của mã cổ phiếu CMG niêm yết trên sàn HOSE.

#### 5 . CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Phải thu các cửa hàng kinh doanh xăng dầu về tiền bán hàng	2.561.236.170	1.830.235.891
Phải thu về cổ tức từ Công ty TNHH Cơ khí Gas P.M.G	1.225.000.000	1.133.969.199
Phải thu về thuế TNCN	196.063.835	210.601.817
Phải thu các đội về tiền thi công công trình	1.731.298.152	1.081.571.689
Phải thu về Bảo hiểm xã hội	22.968.854	-
Phải thu khác	368.791.531	36.499.061
	<b>6.105.358.542</b>	<b>4.292.877.657</b>

#### 6 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	23.978.374.403	24.933.653.674
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	7.432.096.336	8.070.974.965
Thành phẩm	5.766.181.333	6.203.131.477
Hàng hoá	13.549.510.288	4.581.270.782
	<b>50.726.162.360</b>	<b>43.789.030.898</b>

#### 7 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	7.278.456
Thuế Thu nhập cá nhân	324.900.682	-
	<b>324.900.682</b>	<b>7.278.456</b>

#### 8 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tạm ứng	151.009.986	1.124.814.264
Tài sản thiếu chờ xử lý	22.510.046	587.976.748
	<b>173.520.032</b>	<b>1.712.791.012</b>



**9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	7.521.640.589	29.105.221.457	7.671.758.262	192.803.610	44.491.423.918
Số tăng trong năm	-	1.249.838.182	-	-	1.249.838.182
- Mua trong năm	-	1.249.838.182	-	-	1.249.838.182
Số giảm trong năm	(60.452.007)	-	-	-	(60.452.007)
- Thanh lý TSCĐ	(60.452.007)	-	-	-	(60.452.007)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>7.461.188.582</b>	<b>30.355.059.639</b>	<b>7.671.758.262</b>	<b>192.803.610</b>	<b>45.680.810.093</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	4.693.322.308	25.291.182.293	6.158.718.412	90.110.132	36.233.333.145
Số tăng trong năm	468.374.317	902.846.384	591.263.697	34.526.809	1.997.011.207
- Khấu hao trong năm	468.374.317	902.846.384	591.263.697	34.526.809	1.997.011.207
Số giảm trong năm	(27.707.163)	-	-	-	(27.707.163)
- Thanh lý TSCĐ	(27.707.163)	-	-	-	(27.707.163)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>5.133.989.462</b>	<b>26.194.028.677</b>	<b>6.749.982.109</b>	<b>124.636.941</b>	<b>38.202.637.189</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu năm	2.828.318.281	3.814.039.164	1.513.039.850	102.693.478	8.258.090.773
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>2.327.199.120</b>	<b>4.161.030.962</b>	<b>921.776.153</b>	<b>68.166.669</b>	<b>7.478.172.904</b>

Trong đó

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 20.102.279.395 đồng
- Toàn bộ tài sản cố định hữu hình đã được thế chấp vay theo Hợp đồng bảo đảm số 0055/NHNT- ngày 05/03/2012 tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Tp.HCM

**10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Tài sản cố định vô hình là phần mềm kế toán có nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế tại ngày 31/12/2014 là 220.000.000 đồng.

**11 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
<b>Xây dựng cơ bản dở dang</b>		
- Dự án 446 Nơ Trang Long <sup>(1)</sup>	863.085.429	988.539.973
- Dự án Nhà xưởng Nhà Bè <sup>(2)</sup>	3.240.091.818	3.240.091.818
	<b>4.103.177.247</b>	<b>4.228.631.791</b>

<sup>(1)</sup> Đây là dự án xây dựng Trung tâm thương mại và khu nhà cao tầng tại địa chỉ số 446 Nơ Trang Long, phường 13 quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh. Các khoản chi phí đã phát sinh lũy kế đến 31/12/2014 là các khoản chi phí tư vấn, thiết kế ban đầu của dự án. Hiện nay Công ty đang trong thời gian xin UBND TP.HCM hồ sơ pháp lý để thực hiện dự án. Trong năm 2013, do yếu tố khách quan nên Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng dầu ("PMS") và Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư & Thiết kế xây dựng CDCo ("CDCo") không thể thực hiện tiếp các điều khoản trong hợp đồng, hai bên đã thanh lý hợp đồng với khối lượng thực hiện là 270 triệu đồng/450 triệu đồng (chưa bao gồm VAT). PMS đã xuất hóa đơn chi phí cho CDCo, giá trị PMS phải hoàn trả lại cho CDCo và ghi giảm giá trị chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm 2013 là 60 triệu đồng và trong năm 2014 là 138 triệu đồng (đã bao gồm VAT).

<sup>(2)</sup> Dự án Nhà xưởng Nhà Bè hiện nay đang tạm dừng thực hiện, các khoản chi phí đã đầu tư lũy kế đến 31/12/2014 là 3,24 tỷ đồng chủ yếu là các khoản chi phí đo vẽ, dò phá bom mìn và san lấp mặt bằng.

**12 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

	Quyền sử dụng đất VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>		
Số dư đầu năm	23.145.059.192	23.145.059.192
Số tăng trong năm	-	-
Số giảm trong năm	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>23.145.059.192</b>	<b>23.145.059.192</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
Số dư đầu năm	1.396.743.225	1.396.743.225
Số tăng trong năm	1.075.104.520	1.075.104.520
- <i>Khấu hao trong năm</i>	1.075.104.520	1.075.104.520
Số giảm trong năm	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>2.471.847.745</b>	<b>2.471.847.745</b>
<b>Giá trị còn lại</b>		
Số dư đầu năm	21.748.315.967	21.748.315.967
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>20.673.211.447</b>	<b>20.673.211.447</b>

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất với tổng diện tích 37.362,9 m<sup>2</sup> tại Xã Tân Bình, Huyện Dĩ An, Tỉnh Bình Dương. Quyền sử dụng đất có thời hạn sử dụng từ năm 2007 đến 2055. Công ty đang có kế hoạch chuyển nhượng thông qua đấu giá công khai.

**13 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
<b>Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh</b>	<b>11.037.210.441</b>	<b>11.037.210.441</b>
- Công ty TNHH Cơ khí Gas P.M.G	11.037.210.441	11.037.210.441
	<b>11.037.210.441</b>	<b>11.037.210.441</b>

**Đầu tư vào công ty liên kết**

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2014 như sau:

*Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Quyền kiểm soát	Hoạt động kinh doanh
Công ty TNHH Cơ khí Gas P.M.G	Thành phố Hồ Chí Minh	49,00%	49,00%	Sản xuất, kinh doanh các loại vật tư, thiết bị, công nghệ ngành gas, xăng dầu, dầu khí.

**14 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Số dư đầu năm	960.706.061	584.057.239
Số tăng trong năm	-	1.305.962.724
Số đã kết chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm	(940.706.061)	(929.313.902)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>20.000.000</b>	<b>960.706.061</b>
<b>Trong đó, chi tiết số dư cuối năm bao gồm:</b>		
	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	20.000.000	885.706.061
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	-	75.000.000
	<b>20.000.000</b>	<b>960.706.061</b>

**15 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>22.960.959.431</b>	-
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Tp.HCM	22.960.959.431	-
	<b>22.960.959.431</b>	-

**Thông tin bổ sung cho các khoản vay ngắn hạn**

Hợp đồng tín dụng số 0055/KH/13NH ngày 18/03/2013, với các điều khoản chi tiết sau:

- Hạn mức tín dụng: 50.000.000.000 đồng;
- Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;
- Thời hạn cho vay: 04 tháng kể từ ngày nhận nợ;
- Lãi suất cho vay: 5%/năm;
- Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tài sản thế chấp là toàn bộ tài sản cố định hữu hình.

**16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	998.939.212	948.874.254
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	605.808.626	1.129.728.216
Thuế Thu nhập cá nhân	-	10.823.568
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	137.692.900	432.055.013
	<b>1.742.440.738</b>	<b>2.521.481.051</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

17 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Trích trước chi phí thi công các công trình	3.148.609.947	7.402.914.922
- Công trình PVOIL	-	596.461.489
- Công trình Vilube	-	3.883.466.000
- Cửa hàng Xăng dầu số 06 Nam Tây Nguyên	-	1.390.446.608
- Cửa hàng Xăng dầu số 49 Nam Tây Nguyên	-	96.662.849
- Cửa hàng Xăng dầu Xuân Đường	-	135.873.932
- Công trình hệ thống thu hồi hơi	-	320.784.500
- Các công trình nhận dạng thương hiệu	-	979.219.544
- Cửa hàng Xăng dầu số 9 Lâm Đồng	284.461.160	-
- Cửa hàng Xăng dầu số 31 Xi nghiệp bán lẻ xăng dầu	601.053.258	-
- Cửa hàng Xăng dầu Xuân Hưng	2.263.095.529	-
Trích trước chi phí nhiên liệu đội vận tải	255.016.305	346.313.069
Trích trước chi phí tổ chức hội nghị khách hàng	-	330.000.000
Chi phí phải trả khác	178.268.744	542.971.602
	<b>3.581.894.996</b>	<b>8.622.199.593</b>

18 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tài sản thừa chờ xử lý	27.603.568	647.917.554
Kinh phí công đoàn	77.291.040	119.097.660
Bảo hiểm y tế	15.079.154	10.947.880
Bảo hiểm thất nghiệp	255.962	-
Phải trả cổ tức cho cổ đông	1.771.848.925	1.712.912.600
Phải trả tiền ứng vốn kinh doanh tại các cửa hàng xăng dầu	1.188.303.117	1.281.279.107
Phải trả các đội về chi phí xây dựng	-	788.100.726
Phải trả, phải nộp khác	193.870.724	116.068.378
	<b>3.274.252.490</b>	<b>4.676.323.905</b>

**Công ty Cổ phần Cơ Khí Xăng Dầu**

446 Nơ Trang Long, P.13, Q. Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính**  
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

**19. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Công
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>72.276.620.000</b>	<b>25.425.165.374</b>	<b>(343.472.600)</b>	<b>10.274.521.467</b>	<b>4.014.231.276</b>	<b>5.470.503.700</b>	<b>117.117.569.217</b>
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	6.479.293.486	6.479.293.486
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	299.511.705	(299.511.705)	-
Chi trả cổ tức năm 2012	-	-	-	-	-	(4.321.063.200)	(4.321.063.200)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(607.613.795)	(607.613.795)
Thù lao HĐQT từ LN năm 2012	-	-	-	-	-	(242.315.000)	(242.315.000)
Thù lao HĐQT từ LN năm nay	-	-	-	-	-	(212.500.000)	(212.500.000)
Chia lợi nhuận hợp tác kinh doanh từ lợi nhuận năm trước (*)	-	-	-	-	-	(912.790.000)	(912.790.000)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>72.276.620.000</b>	<b>25.425.165.374</b>	<b>(343.472.600)</b>	<b>10.274.521.467</b>	<b>4.313.742.981</b>	<b>5.354.003.486</b>	<b>117.300.580.708</b>
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	9.383.486.472	9.383.486.472
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	323.964.674	(323.964.674)	-
Chi trả cổ tức năm 2013	-	-	-	-	-	(3.600.886.000)	(3.600.886.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ LN năm 2013	-	-	-	-	-	(1.174.125.812)	(1.174.125.812)
Thù lao HĐQT từ LN năm 2013	-	-	-	-	-	(255.027.000)	(255.027.000)
Thù lao HĐQT từ LN năm nay	-	-	-	-	-	(220.000.000)	(220.000.000)
Nộp truy thu thuế TNDN	-	-	-	-	-	-	-
Chia lợi nhuận hợp tác kinh doanh từ lợi nhuận năm nay (*)	-	-	-	-	-	(887.569.000)	(887.569.000)
Giảm khác	-	-	-	-	-	(22.385.797)	(22.385.797)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>72.276.620.000</b>	<b>25.425.165.374</b>	<b>(343.472.600)</b>	<b>10.274.521.467</b>	<b>4.637.707.655</b>	<b>8.253.531.675</b>	<b>120.524.073.571</b>

(\*) Đây là khoản lợi nhuận sau thuế phải trả bên hợp tác liên kết kinh doanh (chi tiết xem thuyết minh số 32)

Theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông thường niên ngày 29/03/2014, Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận 2013 như sau:

	Tỷ lệ %	Số tiền VND
Kết quả kinh doanh sau thuế	100,00%	6.479.293.486
Trích Quỹ dự phòng tài chính	5,00%	323.964.674
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	15,82%	1.025.125.812
Thù lao HĐQT và Ban Kiểm soát không tham gia điều hành	7,22%	467.527.000
Thưởng Ban quản lý điều hành công ty	2,30%	149.000.000
Chi trả cổ tức (bằng 5% vốn điều lệ)	55,58%	3.600.886.000
Chia lợi nhuận hợp tác kinh doanh	14,09%	912.790.000
Lợi nhuận chưa phân phối	0,00%	-

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ %	Cuối năm VND	Tỷ lệ %	Đầu năm VND
Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam	46,00%	33.248.770.000	46,00%	33.248.770.000
Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Deawon Thủ Đức	23,01%	16.634.000.000	23,01%	16.634.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	30,63%	22.134.950.000	30,63%	22.134.950.000
Cổ phiếu quỹ	0,36%	258.900.000	0,36%	258.900.000
	<b>100%</b>	<b>72.276.620.000</b>	<b>100%</b>	<b>72.276.620.000</b>

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay VND	Năm trước VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	72.276.620.000	72.276.620.000
- Vốn góp cuối năm	72.276.620.000	72.276.620.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		
- Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	3.600.886.000	4.321.063.200

d) Cổ phiếu

	Cuối năm	Đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	7.227.662	7.227.662
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông	7.227.662	7.227.662
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông	25.890	25.890
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	7.201.772	7.201.772
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 đồng/cổ phiếu		

e) Các quỹ của công ty

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
- Quỹ đầu tư phát triển	10.274.521.467	10.274.521.467
- Quỹ dự phòng tài chính	4.637.707.655	4.313.742.981
	<b>14.912.229.122</b>	<b>14.588.264.448</b>

Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp:

- Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty.
- Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:
  - + Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh.
  - + Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.

20 . DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Doanh thu thuần về bán hàng hóa	597.236.248.206	557.467.769.981
Doanh thu thuần về bán thành phẩm	238.822.084.055	168.824.548.878
Doanh thu hợp đồng xây dựng	35.371.762.842	24.851.648.205
	<b>871.430.095.103</b>	<b>751.143.967.064</b>

21 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	586.807.186.064	548.262.638.265
Giá vốn của thành phẩm đã bán	204.233.296.294	139.560.383.581
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	34.563.458.402	21.586.066.868
	<b>825.603.940.760</b>	<b>709.409.088.714</b>

22 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay vốn	690.261.448	496.981.264
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.225.116.000	1.139.329.681
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	44.720.521	14.821.351
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	4.456.825	221.782
	<b>1.964.554.794</b>	<b>1.651.354.078</b>

**23 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lãi tiền vay	188.538.365	760.173.637
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	-	2.177.289
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(3.395,051)	5.583.383
Chi phí tài chính khác	7.202.976	6.653.990
	<b>192.346.290</b>	<b>774.588.299</b>

**24 . CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Chi phí nguyên nhiên vật liệu	3.251.595.727	2.975.284.225
Chi phí nhân viên bán hàng	2.616.731.797	1.792.861.281
Chi phí khấu hao tài sản cố định	619.882.465	883.444.530
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.042.499.652	2.481.942.104
Chi phí khác bằng tiền	3.592.882.866	5.046.793.454
	<b>12.123.592.507</b>	<b>13.180.325.594</b>

**25 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	1.085.328.476	823.152.568
Chi phí nhân viên quản lý	14.241.400.944	10.726.169.171
Chi phí khấu hao tài sản cố định	347.094.724	388.700.866
Thuế, phí, lệ phí	1.298.608.441	2.101.000.852
Chi phí dự phòng	815.263.284	1.409.303.721
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.369.317.487	2.163.849.493
Chi phí khác bằng tiền	3.247.671.238	1.964.291.458
	<b>23.404.684.594</b>	<b>19.576.468.129</b>

**26 . THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Thu nhập từ thanh lý tài sản	32.744.844	-
Thu nhập từ bán phế liệu	-	1.090.910
Thu nhập từ cho thuê mặt bằng cửa hàng xăng dầu	-	29.654.000
Thu nhập khác	183.543.612	6.986.229
	<b>216.288.456</b>	<b>37.731.139</b>



27 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Chi phí thanh lý tài sản	32.744.844	-
Phạt vi phạm hành chính về thuế	137.692.900	432.055.013
Điều chỉnh thuế TNDN năm trước (*)	106.273.158	215.092.147
Chi phí khác	45.437	176.606.095
	<b>276.756.339</b>	<b>823.753.255</b>

(\*) Xem thêm thông tin bổ sung tại thuyết minh số 32

28 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	12.009.617.863	9.068.828.290
Các khoản điều chỉnh tăng	243.966.058	647.147.160
Các khoản điều chỉnh giảm	(1.225.116.000)	(1.139.329.681)
Thu nhập chịu thuế Thu nhập doanh nghiệp	11.028.467.921	8.576.645.769
- Thuế TNDN hiện hành (thuế suất 25%)	-	2.144.161.442
- Thuế TNDN hiện hành (thuế suất 22%)	2.426.262.943	-
- Thuế TNDN truy thu	201.835.901	445.298.202
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>2.628.098.844</b>	<b>2.589.459.644</b>
Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	1.129.728.216	(249.182.580)
Thuế Thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(3.152.018.434)	(1.210.548.848)
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối năm từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>605.808.626</b>	<b>1.129.728.216</b>

29 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	9.383.486.472	6.479.293.486
- Phân chia lợi nhuận hợp tác kinh doanh	(887.569.000)	(912.790.000)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	8.495.917.472	5.566.503.486
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	7.201.772	7.201.772
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.180</b>	<b>773</b>

**30 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	778.582.058.516	665.705.277.803
Chi phí nhân công	22.673.992.565	15.649.389.087
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.072.115.727	2.661.490.969
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.749.403.748	47.925.606.025
Chi phí khác bằng tiền	38.054.647.305	11.099.129.478
	<b>861.132.217.861</b>	<b>743.040.893.362</b>

**31 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Công ty

	Giá trị ghi sổ kế toán			
	31/12/2014		01/01/2014	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.657.827.890	-	12.423.091.341	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	59.917.056.348	(3.403.689.157)	59.655.547.319	(2.588.425.873)
Đầu tư ngắn hạn	664.805.451	(581.468.000)	664.805.451	(584.863.051)
Đầu tư dài hạn	11.037.210.441	-	11.037.210.441	-
	<b>85.276.900.130</b>	<b>(3.985.157.157)</b>	<b>83.780.654.552</b>	<b>(3.173.288.924)</b>

**Nợ phải trả tài chính**

	Giá trị ghi sổ kế toán	
	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Vay và nợ	22.960.959.431	-
Phải trả người bán, phải trả khác	18.028.585.130	20.919.389.912
Chi phí phải trả	3.581.894.996	8.622.199.593
	<b>44.571.439.557</b>	<b>29.541.589.505</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

### Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

#### Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

##### Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

##### Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

##### Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

#### Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác)

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/12/2014</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.657.827.890	-	-	13.657.827.890
Phải thu khách hàng, phải thu khác	56.513.367.191	-	-	56.513.367.191
Đầu tư ngắn hạn	83.337.451	-	-	83.337.451
Đầu tư dài hạn	-	-	11.037.210.441	11.037.210.441
	<b>70.254.532.532</b>	<b>-</b>	<b>11.037.210.441</b>	<b>81.291.742.973</b>
<b>Tại ngày 01/01/2014</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.423.091.341	-	-	12.423.091.341
Phải thu khách hàng, phải thu khác	57.067.121.446	-	-	57.067.121.446
Đầu tư ngắn hạn	79.942.400	-	-	79.942.400
Đầu tư dài hạn	-	-	11.037.210.441	11.037.210.441
	<b>69.570.155.187</b>	<b>-</b>	<b>11.037.210.441</b>	<b>80.607.365.628</b>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2014</b>				
Vay và nợ	22.960.959.431	-	-	22.960.959.431
Phải trả người bán, phải trả khác	17.528.585.130	500.000.000	-	18.028.585.130
Chi phí phải trả	3.581.894.996	-	-	3.581.894.996
	<b>44.071.439.557</b>	<b>500.000.000</b>	-	<b>44.571.439.557</b>
<b>Tại ngày 01/01/2014</b>				
Phải trả người bán, phải trả khác	20.269.389.912	650.000.000	-	20.919.389.912
Chi phí phải trả	8.622.199.593	-	-	8.622.199.593
	<b>28.891.589.505</b>	<b>650.000.000</b>	-	<b>29.541.589.505</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**32. THÔNG TIN KHÁC**

**1. Thông tin về các hợp đồng hợp tác kinh doanh:**

- (a) Ngày 04 tháng 08 năm 2010, Công ty ký hợp đồng góp vốn với DNTN Kinh doanh xăng dầu Kim Hương cùng hợp tác kinh doanh xăng dầu và các sản phẩm hóa dầu tại địa chỉ ấp 1A, xã Long Xuyên, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Nội dung hợp đồng như sau:
- DNTN Kim Hương góp vốn bằng khu đất có diện tích 460,3 m<sup>2</sup> tại xã Long Xuyên, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng dầu góp vốn bằng tiền để đầu tư trang thiết bị, xăng dầu phục vụ kinh doanh bán lẻ, Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng dầu sẽ chịu trách nhiệm quản lý và hạch toán sổ sách kế toán.
  - Thời hạn thực hiện hợp đồng: Từ 04/08/2010 đến 30/04/2020;
  - Phân chia lợi nhuận sau thuế: lợi nhuận được chia cố định cho DNTN Kim Hương như sau:
    - + Từ 03/08/2010 đến 31/05/2012 là 7.000.000 đồng/tháng.
    - + Từ 01/06/2012 đến 31/05/2020 mỗi năm tăng 10%.
  - Hết thời hạn hợp tác, Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng dầu sẽ bàn giao lại tài sản là khu đất cho bên góp vốn.
- (b) Ngày 26 tháng 01 năm 2013, Công ty ký hợp đồng liên kết kinh doanh số 04/2013/HĐLKKD với Công ty Cổ phần Công trình Giao thông 610 về việc góp vốn đầu tư kinh doanh bán lẻ xăng dầu. Nội dung hợp đồng như sau:
- Công ty Cổ phần Công trình Giao thông 610 góp bằng khu đất có diện tích 316 m<sup>2</sup> tại địa chỉ số 982 - Quốc lộ 1A, phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh dùng để xây dựng văn phòng, lắp đặt, kinh doanh trạm xăng. Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng dầu góp vốn 1 tỷ đồng để đầu tư trang thiết bị, xăng dầu phục vụ kinh doanh bán lẻ;
  - Thời hạn thực hiện hợp đồng: Từ 01/02/2013 đến 31/08/2018;
  - Phân chia lợi nhuận sau thuế: Công ty Cổ phần Công trình Giao thông 610 khoán mức lợi nhuận sau thuế cho Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng dầu, theo đó mỗi tháng Công ty phải trả Công ty Công trình giao thông 610 số tiền lợi nhuận sau thuế là 85 triệu đồng.
  - Hết thời hạn hợp tác, Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng dầu sẽ bàn giao lại tài sản là khu đất cho bên góp vốn.
- (c) Trong năm 2014, theo Công văn số 163/Cienco 610 ngày 26 tháng 08 năm 2014, Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình Giao thông 610 thỏa thuận giảm phần phân chia lợi nhuận cửa hàng xăng dầu này như sau:
- Giảm phần lợi nhuận cố định hàng tháng sau thuế cho Công ty Cổ phần cơ khí xăng dầu từ 85 triệu đồng/tháng xuống còn 65 triệu đồng/ tháng kể từ ngày 01/07/2014 đến hết ngày 31/12/2014.
  - Từ ngày 01/01/2015 phần lợi nhuận cố định hàng tháng sau thuế vẫn như ban đầu theo hợp đồng liên kết kinh doanh số 04/2013/HĐLKKD ngày 26/01/2013 giữa hai bên đã ký kết là 85 triệu đồng/tháng.

## 2. Thông tin về quyết toán thuế

Trong năm 2014, Cục thuế TP. Hồ Chí Minh đã thực hiện quyết toán thuế thời kỳ kiểm tra năm 2012 và năm 2013. Theo biên bản thanh tra thuế, Công ty sẽ phải kê khai và trích nộp bổ sung:

Nội dung	Năm 2012 VND	Năm 2013 VND	Tổng Cộng VND
Thuế GTGT	79.634.067	26.639.091	106.273.158
Thuế TNDN	134.478.196	67.357.705	201.835.901
Phạt vi phạm hành chính	-	-	51.750.672
Phạt chậm nộp	-	-	85.942.228
	<b>214.112.263</b>	<b>93.996.796</b>	<b>445.801.959</b>

Các khoản thuế truy thu và phạt nêu trên đã được Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh ra quyết định truy thu và xử phạt số 183/QĐ-CT-XP ngày 19 tháng 01 năm 2015

### 33. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Ngoài việc cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh ban hành quyết định truy thu và xử phạt liên quan đến kỳ thanh tra thuế năm 2012 và năm 2013 đã trình bày ở trên, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

### 34. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh:

	Thương mại VND	Sản xuất VND	Xây dựng VND	Tổng cộng toàn Doanh nghiệp VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	597.236.248.206	238.822.084.055	35.371.762.842	871.430.095.103
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>597.236.248.206</b>	<b>238.822.084.055</b>	<b>35.371.762.842</b>	<b>871.430.095.103</b>
Tổng chi phí mua TSCĐ	101.818.182	1.148.020.000	-	1.249.838.182
Tài sản bộ phận	88.103.662.350	35.230.782.322	5.218.005.202	128.552.449.874
Tài sản không phân bổ				61.763.372.801
<b>Tổng tài sản</b>	<b>88.205.480.532</b>	<b>36.378.802.322</b>	<b>5.218.005.202</b>	<b>191.565.660.857</b>
Nợ phải trả của các bộ phận	22.922.034.810	9.166.034.614	1.357.574.631	33.445.644.055
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	37.595.943.231
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>22.922.034.810</b>	<b>9.166.034.614</b>	<b>1.357.574.631</b>	<b>71.041.587.286</b>

Toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam, do vậy Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

06-C  
NH  
NH  
TOÁI  
C  
HỒ CHÍ MINH

06-C.T.C.T  
HỒ CHÍ MINH

35 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Năm 2014	Năm 2013
		VND	VND
<b>Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ</b>			
- Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	Cổ đồng sáng lập	5.550.350.000	2.224.000.000
- Công ty Xăng dầu Long An	(*)	256.936.774	1.030.200.872
- Công ty Xăng dầu Tây Ninh	(*)	413.355.027	315.029.091
- Công ty Cổ phần Xăng dầu Tiền Giang	(*)	1.081.603.036	210.789.120
- Công ty CP Nhiên liệu Bay Petrolimex	(*)	248.000.000	29.764.000
- Công ty Xăng dầu Đồng Nai	(*)	4.704.734.989	4.903.284.545
- Công ty Xăng dầu Phú Khánh	(*)	6.754.540.209	45.650.000
- Công ty Xăng dầu Tây Nam Bộ	(*)	166.924.509	482.524.750
- Công ty Xăng dầu Bắc Tây Nguyên	(*)	1.073.306.000	1.905.523.000
- Công ty Xăng dầu Nam Tây Nguyên	(*)	8.708.244.345	6.852.804.025
- Công ty TNHH MTV xăng dầu Sông Bé	(*)	522.527.692	495.391.631
- Công ty TNHH MTV xăng dầu Sông Bé-CN Bình Phước	(*)	540.530.042	459.340.740
- Công ty TNHH Xăng dầu Lâm Đồng	(*)	1.481.809.339	2.031.165.017
- Công ty Xăng dầu Đồng Tháp	(*)	3.398.016.000	3.720.080.000
- Công ty Xăng dầu Vĩnh Long	(*)	4.497.291.122	3.415.138.521
- Công ty Xăng dầu Bến Tre	(*)	715.192.788	824.988.783
- Tổng Công ty hóa dầu Petrolimex - CTCP - Công ty TNHH Hóa chất Sài Gòn	(*)	1.216.100.000	348.750.000
- Công ty TNHH Xăng dầu Kiên Giang	(*)	1.383.000.000	958.000.000
- Tổng Công ty hóa dầu Petrolimex - CTCP	(*)	7.439.025.000	9.408.228.000
- Công ty CP vận tải và dịch vụ Petrolimex Sài Gòn	(*)	5.049.545.455	170.750.000
- Xí Nghiệp Dịch Vụ Xây Lắp & Thương Mại Petrolimex Sài Gòn	(*)	1.443.865.000	1.025.430.000
- Chi nhánh Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng Petrolimex	(*)	3.153.746.440	720.303.160
- Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex	(*)	444.044.000	198.000.000
- Xí nghiệp Bán lẻ Xăng dầu - Công ty Xăng dầu khu vực II	(*)	3.463.636.364	721.389.946
- Công ty TNHH Nhựa Đường Petrolimex	(*)	2.170.000.000	120.090.000
- Công ty Cổ phần tin học viễn thông Petrolimex	(*)	15.750.000	14.000.000
- Công ty liên doanh TNHH kho xăng dầu ngoại quan Vân Phong	(*)	9.600.000	5.478.181.818
- Tổng Công ty Cổ phần bảo hiểm Petrolimex	(*)	-	11.533.181.819
- Công ty Xăng dầu Tây Nam Bộ - Chi nhánh Bạc Liêu	(*)	-	104.730.132
- Công ty Cổ Phần Xây Lắp 1 - Petrolimex	(*)	-	110.918.776
- Công ty CP Thiết bị XD Petrolimex (Peco) - CN Tp.HCM	(*)	-	92.260.000
- Công ty TNHH Gas Petrolimex Sài Gòn	(*)	-	896.280
- Công ty TNHH MTV Xăng Dầu An Giang	(*)	-	74.747.909
- Xí nghiệp dịch vụ và thương mại - Công ty TNHH Xăng dầu Bà Rịa Vũng Tàu	(*)	-	29.285.800

	Mối quan hệ	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
<b>Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ (Tiếp theo)</b>			
- Công ty Xăng dầu B12	(*)	-	57.000.000
- Công ty Xăng dầu khu vực III - TNHH Một Thành viên	(*)	4.759.090.909	-
- Tổng kho Xăng dầu Nhà Bè	(*)	9.200.000	-
- Công ty Xăng dầu Bình Định	(*)	579.144.000	-
- Công ty TNHH MTV Xăng dầu Bà Rịa - Vũng Tàu	(*)	987.600.914	-
- Công ty Xăng dầu Cà Mau	(*)	1.922.262.360	-
- Chi nhánh Công ty Xăng dầu Bình Thuận	(*)	220.580.100	-
- Công ty XD Bắc Tây Nguyên - CN xăng dầu Kontum	(*)	192.548.000	-
- Công ty Xăng dầu Quảng Ngãi	(*)	245.048.000	-
- Công ty Cổ phần Vật tư xăng dầu Vitaco	(*)	40.000.000	-
- CN TP.Hồ Chí Minh - Công ty CP thiết bị xăng dầu	(*)	153.938.500	-
<b>Mua vật tư, hàng hóa, dịch vụ</b>			
- Công ty CP Thiết bị Xăng dầu Petrolimex (Peco)	(*)	-	50.570.000
- Công ty CP Thiết bị XD Petrolimex (Peco) - CN Tp.HCM	(*)	-	2.540.000
- Xí Nghiệp Dịch Vụ Xây Lắp & Thương Mại Petrolimex	(*)	-	314.160.318
- Các công ty Kinh doanh xăng dầu khác	(*)	-	17.976.147
- Công ty TNHH Gas Petrolimex Sài Gòn	(*)	954.227.060	923.322.070
- Công ty Xăng dầu Khu vực II	(*)	576.819.146.000	526.634.930.990
<b>Nhận tiền cổ tức</b>			
- Công ty TNHH Cơ Khí Gas P.M.G	Công ty liên kết	1.225.116.000	1.133.969.199

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	Mối quan hệ	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
<b>Phải thu tiền hàng</b>			
- Công ty Xăng dầu Bắc Tây Nguyên	(*)	-	421.910.300
- Công ty TNHH hóa chất Petrolimex	(*)	-	76.725.000
- Công ty Xăng dầu Đồng Nai	(*)	-	361.282.399
- Công ty Cổ phần Nhiên liệu bay Petrolimex	(*)	-	41.580.000
- Công ty Cổ phần vận tải và dịch vụ Petrolimex	(*)	-	17.325.000
- Công ty TNHH Xăng dầu Lâm Đồng	(*)	-	590.350.723
- Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng Petrolimex	(*)	-	132.099.000
- Công ty liên doanh TNHH kho xăng dầu ngoại quan Vân	(*)	-	4.478.181.818
- Công ty Xăng dầu Tây Ninh	(*)	-	36.025.000
- Tổng Công ty Cổ phần bảo hiểm Petrolimex	(*)	-	1.268.650.000
- Công ty Xăng dầu Nam Tây Nguyên	(*)	300.700.000	2.675.269.332
- Tổng Công ty hóa dầu Petrolimex - CTCP	(*)	573.007.424	946.979.924
- Công ty Xăng dầu Vĩnh Long	(*)	787.134.744	75.300.000
- Công ty Xăng dầu Đồng Tháp	(*)	600.000	412.588.000
- Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex	(*)	199.100.000	20.400.000
- Xí Nghiệp Dịch Vụ Xây Lắp & TM Petrolimex Sài Gòn	(*)	259.374.500	314.919.000
- Chi nhánh Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng Petrolimex	(*)	4.245.197.256	776.076.172
- Công ty Xăng dầu Long An	(*)	100.650.000	100.650.000
- Công ty Xăng dầu Bến Tre	(*)	4.860.889	-
- Công ty Xăng dầu Tiền Giang	(*)	53.860.540	-

1105  
II NH  
IG TY  
G KIỂM  
AAS  
VH-T.P

01838  
NG TY  
PHẦN  
I KHÍ  
G DẦU  
TP.HỒ C

	Mối quan hệ	31/12/2014	01/01/2014
		VND	VND
<b>Phải thu tiền hàng (tiếp theo)</b>			
- Công ty Cổ Phần tin học viễn thông Petrolimex	(*)	8.662.500	-
- Công ty TNHH xăng dầu Lâm Đồng	(*)	72.067.600	-
- CN Xăng dầu Bình Phước - Công ty Xăng dầu Sông Bé	(*)	232.471.846	-
- Công ty Xăng dầu Phú Khánh	(*)	445.721.030	-
- Công ty Xăng dầu khu vực III - TNHH Một Thành viên	(*)	3.664.500.000	-
<b>Phải thu ứng trước tiền hàng</b>			
- Công ty Xăng dầu khu vực II - TNHH Một Thành viên	(*)	18.879.905.512	-
- Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	Cổ đông sáng lập	1.886.416.000	12.273.300.689
- Công ty Xăng dầu Bình Định	(*)	1.570.500.000	-
- Công ty Cổ phần vận tải và dịch vụ Petrolimex	(*)	1.298.000.000	-
- Công ty Xăng dầu Tây Ninh	(*)	174.625.000	-
- Công ty Xăng dầu Bắc Tây Nguyên	(*)	122.017.500	-
- Công ty Cổ Phần Xây Lắp 1 - PETROLIMEX	(*)	31.500.000	31.500.000
- Công ty Xăng dầu Tiền Giang	(*)	-	100.000.000
<b>Phải trả tiền hàng</b>			
- Công ty Xăng dầu Khu vực II	(*)	-	11.719.033.888
- Công ty CP Thiết bị xăng dầu	(*)	-	13.820.400
- Công ty TNHH Gas Petrolimex Sài Gòn	(*)	78.799.344	163.073.665
- Chi nhánh phía nam - Công ty Cp Tư vấn Xây dựng Petrolimex	(*)	4.226.396.056	-
- Công ty CP Thiết bị XD Petrolimex (Peco) - CN Tp.HCM	(*)	2.864.400	-

Ghi chú mối quan hệ:

(\*) Các đơn vị cùng Tập đoàn

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
- Thu nhập của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc	1.708.585.000	1.624.547.500

**36 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Người lập

Kế toán trưởng

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 01 năm 2015

Giám đốc

*el tamm*

*el tamm*



Đỗ Thị Hồng Hạnh

Hồ Trí Lượng

Đoàn Đắc Học